

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 338 /BC-UBND

Hà Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng,  
nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2023**

### **PHẦN THỨ NHẤT**

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ 9 tháng năm 2023**

## **I. BỐI CẢNH VÀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2023**

### **1. Bối cảnh triển khai nhiệm vụ**

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2023 trong bối cảnh phải đối mặt với những bất lợi, khó khăn, thách thức, kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn (xung đột giữa Nga và U-crai-na, lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia, suy giảm nhu cầu tiêu dùng của nhiều đối tác thương mại lớn...); hậu quả của dịch Covid 19 kéo dài, tác động mạnh đến các hoạt động kinh tế, tiêu dùng, đầu tư, tăng trưởng chậm; thời tiết, khí hậu diễn biến bất thường, xảy ra nhiều đợt thiên tai, nắng nóng, hạn hán trong những tháng đầu năm gây thiệt hại lớn đến sản xuất, cơ sở hạ tầng thiết yếu và đời sống nhân dân; Giá cả nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào vào phục vụ cho sản xuất vẫn biến động tăng, sản lượng hàng tồn kho nhiều, doanh nghiệp thiếu đơn hàng, lao động không có việc làm... Tuy nhiên, cũng có những yếu tố thuận lợi, đó là: Kinh tế của tỉnh tiếp tục phục hồi, phát triển ổn định hơn; Trung Quốc mở cửa và xoá bỏ chính sách zero Covid, hoạt động xuất nhập khẩu được khôi phục và tăng trưởng khá; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các dự án trọng điểm được triển khai tích cực, các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai đồng bộ, bước đầu phát huy hiệu quả. Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch có bước phát triển đột phá.

### **2. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện**

Với sự chủ động, quyết liệt để triển khai nhiệm vụ năm 2023 ngay từ cuối năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát vào sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy vận dụng linh hoạt vào điều kiện thực tiễn của tỉnh; triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp linh hoạt, hiệu quả và những nỗ lực, cố gắng, đồng lòng, chung sức của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh. Tổ chức giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Kế hoạch đầu tư công, 03 Chương trình MTQG từ rất sớm cho các đơn vị; kịp thời xây dựng và ban hành chương trình, chỉ thị, kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết, điều hành của Chính phủ; đẩy mạnh tổ chức triển khai các chính sách của Trung ương, nhiều chương trình, hoạt động nhằm quảng

bá, thu hút đầu tư, phát triển du lịch, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp và hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất, kinh doanh; tổ chức sơ kết, đánh giá giữa kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy là cơ hội để nhìn nhận đánh giá lại tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Chỉ đạo xây dựng \kế hoạch thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế quý III, IV năm 2023. Tổ chức Hội nghị nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Giang giai đoạn 2023 – 2030 và khai giảng năm học mới 2023-2024;.

Chỉ đạo quyết liệt các ngành, các cấp thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; triển khai khẩn trương, đồng bộ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 theo chỉ đạo của Trung ương; hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ hồ sơ quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung chỉ đạo, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công; quản lý thu NSNN, có giải pháp phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra; đảm bảo an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tình hình an ninh biên giới, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không xảy ra các điểm nóng, phức tạp.

Thành lập, tổ chức các Đoàn công tác đi làm việc, kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; 03 Chương trình MTQG; công tác giải phóng mặt bằng, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm, nhất là công trình kết cấu hạ tầng giao thông lớn, chiến lược<sup>1</sup>, nắm bắt thực tế, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, định hướng nhiệm vụ cho cơ sở. Tham mưu Ban Thường vụ thành lập Ban Chỉ đạo của Ban Thường vụ tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) đoạn qua tỉnh Hà Giang.

## **II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2023**

Trong 9 tháng tình hình phát triển kinh tế - xã hội có dấu hiệu phục hồi, đạt được nhiều khởi sắc, quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Trong 36 chỉ tiêu kế hoạch giao<sup>2</sup>, có 15 chỉ tiêu đánh giá cuối năm; 06 chỉ tiêu đạt và vượt 100%<sup>3</sup>; 09 chỉ tiêu đạt từ 70% đến dưới 100%<sup>4</sup>; 01 chỉ tiêu đạt từ 50% đến dưới 70%<sup>5</sup>; 05 chỉ tiêu đạt dưới 50%<sup>6</sup>. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực như sau:

### **1. Một số kết quả tích cực trên các lĩnh vực**

- Công tác lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được

<sup>1</sup> Dự án cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang, đoạn qua địa phận tỉnh Hà Giang;

<sup>2</sup> Theo Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh.

<sup>3</sup> Gồm: Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng; Duy trì và nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới; Tỷ lệ duy trì sỹ số học sinh hàng ngày; Bình quân bác sỹ/vạn dân; Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị; Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị.

<sup>4</sup> Gồm: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Thu hút khách du lịch; Tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu; Tỷ lệ thôn biên giới có điện đạt tiêu chí NTM; Tỷ lệ thôn biên giới có đường giao thông đạt tiêu chí NTM; Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin; Số người tham gia bảo hiểm xã hội; Số người tham gia bảo hiểm y tế.

<sup>5</sup> Gồm: Tăng trưởng tín dụng.

<sup>6</sup> Gồm: Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân; Thu ngân sách nhà nước; Số tiêu chí nông xã mới tăng trong năm; Số tiêu chí nông thôn mới tăng trong năm; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm.

triển khai nghiêm túc, công phu, bài bản. Hoàn thành việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra và trình kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh thông qua và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 23/8/2023.

- Tổ chức khởi công Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Khánh thành dự án Cải tạo, nâng cấp Bảo tàng tỉnh Hà Giang; Khởi công các công trình trọng điểm, như: Đập dâng nước tạo cảnh quan thành phố Hà Giang; Cải tạo, nâng cấp đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B) tỉnh Hà Giang; Nâng cấp, cải tạo đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT.178); Cải tạo, nâng cấp ĐT.183; Trong quý III đã khởi công dự án Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 2 (Đoạn từ Km285+995 đến Cầu Mè mới) và xây dựng cầu Mới nối QL2 (tại Km286+450) với đường vành đai phía Nam thành phố Hà Giang (tại Km2+315,31).

- Du lịch tăng trưởng mạnh, lượng khách du lịch 9 tháng đạt 2.158.400 lượt người, tăng 35% so với cùng kỳ, đạt 86% kế hoạch. Tổ chức nhiều chương trình, sự kiện văn hóa thu hút sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước<sup>7</sup>. Hà Giang được công nhận điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu Châu Á do Giải thưởng Du lịch Thế giới - World Travel Awards (WTA) lần thứ 30 khu vực châu Á và châu Đại Dương bình chọn. Ký kết hợp tác quản lý vận hành ứng dụng chuyển đổi số du lịch Trip-map - Hà Giang giữa Hiệp hội du lịch tỉnh và Trip-map Việt Nam.

- Thành lập, đưa vào hoạt động Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang và tuyển sinh năm đầu với nhiều kết quả đáp ứng được nhu cầu đào tạo của tỉnh; Ban hành đề án và thành lập Ban Chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2023-2030.

- Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp về đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Các dự án thuộc Chương trình phục hồi, kinh tế xã hội, nhất là Đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1, đoạn qua tỉnh Hà Giang và các chương trình Mục tiêu quốc gia được triển khai tích cực, đồng bộ, hiệu quả.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 10.552,4 tỷ đồng, tăng 15,76% so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 177.230 ha, tăng 0,07% (bằng 124 ha) so với năm 2022; Giá trị sản xuất (GO) nông lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 4.753,96 tỷ đồng, tăng 4,32% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước đạt 12.034,7 triệu đồng, tăng 16,06%; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 226,373 triệu USD, tăng 3,69 lần so với cùng kỳ. Tổng dư nợ tín dụng ước đạt 29.229 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ.

- Công tác chuyển đổi số được triển khai tích cực, đồng bộ ở tất cả các cấp, các lĩnh vực. Thực hiện ký kết hợp tác với Tập đoàn FPT, Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel). Triển khai thực hiện Đề án 06, đã đưa 25/25 dịch vụ công thiết yếu lên cổng dịch vụ công quốc gia. Chỉ số PCI năm 2022 tăng 18 bậc so với năm 2021, xếp thứ 41/63 tỉnh, thành phố; thứ 7/14 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được

<sup>7</sup> Như: Festival Khèn Mông tỉnh Hà Giang, Lễ hội Văn hóa ẩm thực ba miền Bắc - Trung - Nam năm 2023 và Lễ hội Chợ Phong lưu Khâu Vai năm 2023; Hội thảo "Phát huy giá trị di sản văn hóa danh lam thắng cảnh ruộng bậc thang các tỉnh vùng Tây Bắc trong liên kết phát triển du lịch" tại huyện Hoàng Su Phì.

đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững. Công tác đối ngoại được đẩy mạnh; Tổ chức thành công 07 hội nghị, hội đàm<sup>8</sup> với các địa phương, cơ quan đối đẳng phía Trung Quốc và địa phương nước ngoài; ký mới 13 thỏa thuận quốc tế.

## 2. Về đầu tư phát triển

**2.1. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:** Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh quý III/2023 ước đạt 4.165,7 tỷ đồng, tăng 15,6% so với quý trước; tăng 8,25% so với cùng kỳ; lũy kế 9 tháng năm 2023 ước đạt 10.552,4 tỷ đồng, tăng 15,76% so với cùng kỳ; trong đó: Vốn nhà nước 5.684,3 tỷ đồng, tăng 57,59%; Vốn ngoài Nhà nước 4.841,7 tỷ đồng, giảm 11,83%<sup>9</sup>.

**2.2. Đầu tư công:** Triển khai thực hiện các văn bản, kế hoạch, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng... Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, bám sát kế hoạch triển khai thực hiện. Các chủ đầu tư nâng cao năng lực quản lý, lập kế hoạch triển khai thực hiện dự án, đôn đốc các nhà thầu tập trung nhân lực, phương tiện, trang thiết bị đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, nhất là các dự án giao thông trên địa bàn tỉnh, các dự án trọng điểm. Kịp thời, thường xuyên giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư,... Ước đến ngày 30/9/2023, giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm cả kế hoạch vốn kéo dài thời gian thực hiện năm 2022 sang 2023) 3.866,7 tỷ đồng/7.729 tỷ đồng; đạt 50% kế hoạch, cụ thể như sau:

(i) Kế hoạch vốn NSNN năm 2023 giải ngân 2.976,7 tỷ đồng/6.266,45 tỷ đồng, đạt 47,5% kế hoạch, tăng so với 6 tháng năm 2023 là 1.296 tỷ đồng; trong đó:

- Nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương giải ngân 690,11 tỷ đồng/1.229,34 tỷ đồng, đạt 56,1% so với kế hoạch.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân 2.286,6 tỷ đồng/5.037,11 tỷ đồng, đạt 45,4% so với kế hoạch, trong đó: NSTW (vốn trong nước) 1.390,6 tỷ đồng/2.835 tỷ đồng, đạt 49,1%; Vốn nước ngoài ODA giải ngân 206 tỷ đồng/712,795 tỷ đồng, đạt 28,9% so với kế hoạch).

(ii) Kế hoạch vốn kéo dài thời gian thanh toán năm 2022 sang năm 2023 giải ngân 890 tỷ đồng/1.462,5 tỷ đồng, đạt 60,9% kế hoạch, tăng so với 6 tháng năm 2023 là 335,7 tỷ đồng.

Về giải ngân vốn đầu tư công của các chủ đầu tư có kế hoạch vốn năm 2023 từ 200 tỷ trở lên: Kế hoạch vốn năm 2023 phân bổ cho 16 chủ đầu tư là 6.720,57 tỷ đồng, chiếm trên 87% kế hoạch vốn năm 2023 của tỉnh (bao gồm cả kế hoạch vốn

<sup>8</sup> Gồm: (1) Chương trình Gặp gỡ đầu xuân năm 2023 giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 14 Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh Hà Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); (2) Hội nghị thường niên lần thứ 3 giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 9 nhóm công tác liên hợp giữa các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); (3) Hội đàm giữa UBND tỉnh Hà Giang và Chính quyền nhân dân châu Văn Sơn, Trung Quốc; (4) Hội đàm giữa Đoàn đại biểu tỉnh Hà Giang và Đoàn đại biểu Văn phòng Ngoại sự kiều vụ châu Văn Sơn (Trung Quốc); (5) Đại hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Hà Giang lần thứ 2, nhiệm kỳ 2023-2028; (6) Hội nghị trực tuyến và ký kết Bản ghi nhớ hợp tác với quận Wanjū, tỉnh Jeollabuk, Hàn Quốc; (7) Hội đàm giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang với Đoàn đại biểu Sở Văn hóa và Du lịch tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

<sup>9</sup> Trong đó: vốn khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước 1.104,9 tỷ đồng, giảm 3,59%; vốn đầu tư từ khu vực dân cư 3.736,8 tỷ đồng, giảm 14,01%.

kéo dài thời gian thanh toán năm 2022 sang năm 2023), ước đến ngày 30/9/2023 đã giải ngân 3.325 tỷ đồng, đạt 49,5% kế hoạch

### **3. Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và các chương trình, đề án của tỉnh.**

#### **3.1. Triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp lý để triển khai 03 chương trình phù hợp với các quy định thay đổi của Trung ương<sup>10</sup>; đã trình HĐND tỉnh ban hành 11 Nghị quyết<sup>11</sup>; UBND tỉnh ban hành 09 Quyết định; 09 Kế hoạch để triển khai thực hiện các chương trình. Kịp thời ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát các chương trình giai đoạn 2021-2025 và năm 2023; đã thực hiện 02 đợt kiểm tra, giám sát tại 11 huyện, thành phố và 58 xã, thị trấn. Phân công và giao trách nhiệm cho các sở, ngành theo dõi, hướng dẫn các huyện thực hiện; định kỳ 02 tuần/lần các sở, ngành làm việc với các huyện, kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở.

Tiến độ thực hiện và giải ngân các chương trình ước đến 30/9/2023 như sau: Giải ngân vốn kéo dài là 565/1.124,4 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch và tăng 102 tỷ đồng so với tháng trước; giải ngân vốn năm 2023 là 590/1.489,3 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch và tăng 136 tỷ đồng so với tháng trước. Giải ngân nguồn vốn sự nghiệp ước đạt 500/2.107,3 tỷ đồng, đạt 23,7% kế hoạch và tăng 85 tỷ đồng so với tháng trước.

Về kết quả xây dựng nông thôn mới, đến tháng 9/2023, có 175 xã trên địa bàn tỉnh đạt 2.049 tiêu chí nông thôn mới, tăng 34/136 tiêu chí, đạt 25% so với kế hoạch giao. Có 48 xã đạt chuẩn NTM đạt 452 tiêu chí nâng cao, tăng 39 tiêu chí so với cuối năm 2022. Có 308 thôn đạt 2.097 tiêu chí thôn NTM, tăng 137/556 tiêu chí, đạt 25% so với kế hoạch. Về tiến độ cung ứng xi măng: Tổng khối lượng xi măng đã bàn giao cho 57 xã thuộc 4 huyện/thành phố (Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, thành phố Hà Giang) làm đường giao thông nông thôn, ước đến 30/9/2023 được 25.000/30.908 tấn; đạt 80,88% kế hoạch. Đã tổ chức làm được 189/259,9 km đường bê tông nông thôn các loại, đạt 72,7% kế hoạch. Khối lượng xi măng chưa bàn giao là 6.042 tấn.

#### **3.2. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

(i) Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang: Đã giải phóng mặt bằng hoàn chỉnh theo quy hoạch 04 làn xe và 02 làn dừng khẩn cấp; rà soát, kiểm kê, kiểm đếm các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng để tiến hành lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, triển khai chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân với tổng số kinh phí đã thực hiện là 126 tỷ đồng. Thực hiện bàn giao mặt bằng tuyến với tổng chiều dài 9.482m. Triển khai thực hiện xây dựng mặt bằng khu tái định cư dự án cao tốc Tuyên Quang- Hà Giang (giai đoạn 1) tại xã Hùng An, xã Quang Minh và Tân

<sup>10</sup> Tại Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ; Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Thông tư 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 của Ủy ban Dân tộc...

<sup>11</sup> Cụ thể: (1) Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (2) Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (3) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (4) Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (5) Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (6) Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (7) Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (8) Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/3/2023; (9) Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15/7/2023; (10) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 15/7/2023; (11) Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 15/7/2023.

Quang, huyện Bắc Quang.

Công tác triển khai thi công xây lắp: Dự án được tổ chức khởi công vào tháng 5/2023<sup>12</sup>; hiện nay các nhà thầu đang tập trung tổ chức thi công đào, đắp nền đường tuyến chính, đường gom, đường ngang, xử lý nền đất yếu, thi công hạng mục cống thoát nước, hầm dân sinh đối với gói thầu xây lắp số 03-XL (Km0+00 đến Km12+500) theo tiến độ, giá trị khối lượng xây lắp đã thực hiện trên hiện trường đến ngày 19/9/2023 là 14.195/801.907 triệu đồng, đạt 1,8% kế hoạch. Chuẩn bị khởi công thi công đối với Gói thầu số 04-XL (Km12+500 - Km19+120). Đang tiến hành đánh giá Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu tham dự đối với gói thầu số 05-XL (Km19+120-Km27+480), dự kiến hoàn thành, ký kết hợp đồng trước ngày 25/9/2023 và khởi công Gói thầu trong tháng 10 năm 2023.

(ii) Các dự án đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở (03 dự án): (1) Dự án Đầu tư xây dựng mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh đang triển khai đẩy nhanh tiến độ thi công, khối lượng thực hiện ước đạt 05 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch. (2) Dự án Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 08 bệnh viện đa khoa huyện, đa khoa khu vực trên địa bàn tỉnh đã tổ chức thi công xây dựng vào ngày 10/7/2023, tập trung nhân lực, máy móc để triển khai, khối lượng thực hiện ước đạt 11,4 tỷ đồng, đạt 12% kế hoạch. (3) Dự án đầu tư xây dựng mới 10 trạm y tế tuyến xã, hoàn thành tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thi công xây dựng (ngày 13/9/2023), đã nhận, bàn giao mặt bằng để triển khai thực hiện.

(iii) Thực hiện chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí; gia hạn thời hạn nộp thuế để hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tích cực triển khai và quản lý các chương trình tín dụng ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ với tổng dư nợ cho vay 287,5 tỷ đồng/2.985 khách hàng; tăng 1,1% tương đương 03 tỷ đồng so với tháng trước; tăng 14,2% tương đương 35,7 tỷ đồng so với 31/12/2022.

### 3.3. Hoạt động chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Hà Giang với các Tập đoàn: FPT, Bưu chính - Viễn thông (VNPT) và Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel). Triển khai an toàn thông tin mạng năm 2023. Tổ chức Hội nghị bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng xây dựng tin bài truyền thông số trên địa bàn với trên 200 lượt cán bộ CCVC cấp tỉnh, huyện tham gia; phối hợp với Cục chuyển đổi số quốc gia, Viễn thông Hà Giang triển khai kết nối tới hệ thống đánh giá EMC. Thực hiện các mô hình chuyển đổi số cấp xã<sup>13</sup>.

Tập trung triển khai Đề án số 06 năm 2023 theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đối với 100% các hồ sơ theo hình thức trực tuyến mức độ 4. Trong tháng 9, đã tiếp nhận, xử lý

<sup>12</sup> Đoạn từ thị trấn Vĩnh Tuy đến xã Tân Quang huyện Bắc Quang với chiều dài 27,48km, quy mô 02 làn xe (giải phóng mặt bằng 04 làn xe), bề rộng nền đường 12m, tổng mức đầu tư 3.198 tỷ đồng.

<sup>13</sup> Tập trung vào các lĩnh vực: Chính quyền số, phát triển thương mại điện tử, du lịch thông minh, dịch vụ xã hội; Quảng bá - Thương hiệu; trong đó, tập trung vào công tác tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên các sàn thương mại điện tử (Postmark và Voso), thúc đẩy kinh tế, nông nghiệp số...

trực tuyến 873/1.596 hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD, đạt 54,7%, tăng 40,9% so với tháng trước; tiếp nhận, hướng dẫn người dân đăng ký 17.367 tài khoản định danh điện tử; 9 tháng tiếp nhận trực tuyến 3.202/21.949 hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ CCCD, đạt 14,6%; tiếp nhận, hướng dẫn người dân đăng ký 412.712 tài khoản định danh điện tử.

### **3.4. Công tác lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy hoạch xây dựng**

Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tổ chức thẩm định vào ngày 14/02/2023. Hội đồng thẩm định quốc gia đã thông qua với 100% phiếu và đánh giá cao hồ sơ Quy hoạch tỉnh Hà Giang được chuẩn bị công phu, đảm bảo tiến độ, chất lượng, có tính khả thi cao và xác định rõ được mục tiêu đột phá. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn thiện hồ sơ đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra; trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 12 và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 23/8/2023; hiện nay Văn phòng Chính phủ đang thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ.

Tổ chức lập 03 Đồ án Quy hoạch vùng huyện<sup>14</sup>, 19 Đồ án quy hoạch chung xây dựng<sup>15</sup>, 13 Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng<sup>16</sup>, 05 Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng<sup>17</sup> đảm bảo chất lượng và tiến độ. Tổ chức công bố 09 đồ án quy hoạch phân khu theo quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang đến năm 2035; đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quang Bình giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **4. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế**

### **4.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn**

Trên cơ sở các số liệu, giá trị sản xuất các lĩnh vực đã thực hiện điều tra, thống kê thực tế và các sở, ngành, địa phương cung cấp số liệu đầu vào (*Hiện nay, chưa có chỉ số giá tháng 9; sau khi Tỉnh cung cấp GO đầu vào cho Tổng cục Thống kê, số liệu phân bổ của các Tập đoàn và tổng công ty đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc có chủ quản ngoài tỉnh, Tổng cục Thống kê sẽ tính toán GRDP cho tỉnh*); dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh cụ thể như sau:

- Trong quý III/2023 tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt khoảng từ 6% - 7%. Trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5,15%; Công nghiệp, xây dựng tăng 3,48% (ngành xây dựng tăng 9,97%; riêng ngành công nghiệp giảm 0,13% );

<sup>14</sup> Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vị Xuyên đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quang Bình đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Su Phì đến năm 2035, định hướng đến năm 2050.

<sup>15</sup> Khu du lịch sông Nho Quế, huyện Mèo Vạc; Khu du lịch xã Du Già, huyện Yên Minh; Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên; thị trấn Việt Lâm, huyện Vị Xuyên; thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình; thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; Thị trấn Phố Bàng, huyện Đồng Văn đến năm 2035, định hướng đến năm 2050; Đô thị Đồng Văn đến năm 2035, định hướng đến năm 2050; Đô thị Mậu Duệ, huyện Yên Minh đến năm 2035, định hướng đến năm 2050; Đô thị Nà Trì, huyện Xín Mần đến năm 2035, định hướng đến năm 2050; Quy hoạch chung đô thị Quang Minh, huyện Bắc Quang đến năm 2035, định hướng đến năm 2050...

<sup>16</sup> 09 đồ án quy hoạch phân khu (1-9) theo quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang đến năm 2035; Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Chiêu Lầu Thi xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì, xã Thu Tà huyện Xín Mần...

<sup>17</sup> Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Pà Vây Sù (tại vị trí mới), huyện Xín Mần; Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Du Già, huyện Yên Minh; Đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư xã Lũng Hồ và xã Du Tiến huyện Yên Minh; Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch cột cờ Lũng cú (Khu 1) theo quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn; Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch tham quan, dã ngoại cực Bắc (Khu 5) theo quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn.

Dịch vụ tăng 9,48%; thuế sản phẩm trừ trở cấp sản phẩm tăng 1,89%.

- Dự báo 9 tháng năm 2023, tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt khoảng từ 3% so với cùng kỳ năm 2022 (không đạt kế hoạch đề ra theo KBTT); Trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,76%; Công nghiệp, xây dựng giảm 4,26% (ngành xây dựng tăng 9,23%; riêng ngành công nghiệp giảm 11,88%); Dịch vụ tăng 6,65%; thuế sản phẩm trừ trở cấp sản phẩm tăng 1,28%<sup>18</sup>.

#### **4.2. Phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ**

a) *Về du lịch*: Hoạt động du lịch tăng trưởng mạnh, lượng khách du lịch đến Hà Giang trong 9 tháng đạt 2.158.400 lượt người, tăng 35% so với cùng kỳ, đạt 86% kế hoạch năm 2023<sup>19</sup>; Doanh thu du lịch đạt 5.072 tỷ đồng (tăng 58,6% so với cùng kỳ); Trên địa bàn tỉnh hiện có 891 cơ sở lưu trú, với 8.299 buồng và 16.502 giường<sup>20</sup>. Tổ chức thành công Festival Khèn Mông tỉnh Hà Giang và Lễ hội Văn hóa ẩm thực ba miền Bắc - Trung - Nam năm 2023<sup>21</sup>; Hội nghị gặp mặt các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch năm 2023; Chương trình khảo sát xây dựng, công bố sản phẩm du lịch Tây Bắc mở rộng năm 2023 và Hội thảo “Phát huy giá trị di sản văn hóa danh lam thắng cảnh ruộng bậc thang các tỉnh vùng Tây Bắc trong liên kết phát triển du lịch” tại huyện Hoàng Su Phì. Tổ chức các lễ hội mới như: Lễ hội hoa Đỗ Quyên huyện Vị Xuyên; hoa Mộc Miên, Ngày hội Văn hóa dân tộc huyện Yên Minh... Ký kết hợp tác quản lý vận hành ứng dụng chuyển đổi số du lịch Trip-map - Hà Giang giữa Hiệp hội du lịch tỉnh và Trip-map Việt Nam. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức đón nhận danh hiệu thành viên mạng lưới CVĐC toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn lần thứ III và Lễ hội “Hoa Tam giác mạch” lần thứ IX tỉnh Hà Giang, năm 2023; Hội nghị văn hóa năm 2023; Liên hoan âm nhạc toàn quốc đợt II năm 2023 tại tỉnh Hà Giang.

#### *b) Về thương mại, dịch vụ*

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ<sup>22</sup> 9 tháng năm 2023 ước đạt 12.034,7 triệu đồng, tăng 16,06% so với cùng kỳ. Công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện quyết liệt; đã kiểm tra 657 vụ, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 563 vụ, thu nộp ngân sách nhà nước 2.143,7 triệu đồng.

Hoạt động xuất nhập khẩu có nhiều chuyển biến tích cực, kim ngạch xuất nhập khẩu<sup>23</sup>, 9 tháng ước đạt 226,373 triệu USD, tăng 3,69 lần so với cùng kỳ, trong đó:

<sup>18</sup> Trong 21 nhóm ngành kinh tế cấp I có 16 nhóm ngành có tốc độ tăng trưởng dương (Các ngành có mức tăng trưởng khá cao như: Ngành xây dựng tăng 9,23%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,52%; bán buôn và bán lẻ tăng 11,62%; dịch vụ vận tải kho bãi tăng 14,63%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 24,75%... Tuy nhiên có 05 nhóm ngành công nghiệp không có tăng trưởng. Gồm: Công nghiệp khai khoáng đạt 65,76%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện đạt 83,46%; Công nghiệp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải nước thải đạt 99,93%; Thông tin và truyền thông đạt 98,31%; Hoạt động hành chính và DV hỗ trợ đạt 95,86%, đây là những nhóm ngành tăng trưởng âm so với năm 2022.

<sup>19</sup> Trong đó khách quốc tế 218.080 lượt người và khách nội địa 1.940.320 lượt người (riêng tháng 9 đạt 256.700 lượt người, trong đó 30.000 lượt khách quốc tế, khách nội địa là 226.700 lượt người, doanh thu du lịch đạt 603,2 tỷ đồng).

<sup>20</sup> Khách sạn 108 cơ sở; nhà nghỉ 267 cơ sở; Homestay 504 cơ sở; Loại hình khác 12 cơ sở.

<sup>21</sup> Với sự tham gia của 14 tỉnh thành phố, Hiệp hội ẩm thực Nhật Bản - Việt Nam và Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

<sup>22</sup> Ước tháng 9/2023 đạt 1.463,8 tỷ đồng, tăng 5,30% so với tháng trước và tăng 14,63% so với cùng kỳ;

<sup>23</sup> Tháng 9/2023 kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 28,065 triệu USD, tăng 3,8% so với tháng trước; tăng 5,06 lần so với cùng kỳ, trong đó: Giá trị xuất khẩu đạt 21,676 triệu USD, giảm 0,64% so với tháng trước, tăng 7,86 lần so với cùng kỳ năm trước; Giá trị nhập khẩu đạt 6,398 triệu USD tăng 22,6% so với tháng trước; tăng 1,06 lần so với cùng kỳ).

Xuất khẩu đạt 173,513 triệu USD, tăng 16,1 lần<sup>24</sup>; Nhập khẩu đạt 52,860 triệu USD, tăng 0,41 lần so với cùng kỳ<sup>25</sup>.

Hoạt động kinh doanh vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì ổn định và có tăng trưởng khá<sup>26</sup>. Doanh thu vận tải và dịch vụ kho bãi 9 tháng năm 2023 ước đạt 608,9 tỷ đồng, tăng 19,01% so với cùng kỳ<sup>27</sup>.

#### **4.2. Sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản**

a) *Trồng trọt*: Các địa phương thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng tích cực, linh hoạt; đảm bảo khung thời vụ, chủ động các phương án phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng. Tổng diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm vụ Mùa ước đạt 117.643,3 ha, tăng 205,4 ha so với cùng vụ năm trước, trong đó: diện tích lúa gieo trồng đạt 28.210 ha, giảm 193,9 ha<sup>28</sup>, sản lượng thu hoạch ước đạt 163.717,2 tấn, tăng 1.195 tấn so với cùng vụ năm trước; ngô gieo trồng đạt 34.998,2 ha, tăng 423 ha<sup>29</sup> so với cùng vụ năm trước, sản lượng thu hoạch 128.183,1 tấn, giảm 1.060,6 tấn; đậu tương 7.958,6 ha, giảm 114,5 ha, sản lượng thu hoạch ước 12.430,8 tấn, giảm 93,7 tấn; lạc 3.618,1 ha, tăng 13,6 ha, sản lượng ước 9.353,1 tấn, giảm 33 tấn; rau các loại 6.087,9 ha, tăng 120,4 ha; sản lượng ước 36.265,5 tấn, tăng 1.195 tấn (do do nắng nóng và khô hạn kéo dài đã ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây lúa, ngô và rau đậu vụ Xuân).

Từ kết quả sản xuất Đông Xuân và vụ Mùa, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2023 ước đạt 177.230 ha, tăng 0,07% (bằng 124 ha) so với năm 2022; Tổng sản lượng lương thực cả năm ước đạt 411.955 tấn, so với năm 2022 giảm 1,68%, bằng 7.027,8 tấn<sup>30</sup>.

b) *Chăn nuôi*: Tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; số lượng tổng đàn các loại vật nuôi bò, lợn và gia cầm; sản lượng các loại thịt hơi xuất chuồng tăng so với cùng kỳ, do công tác kiểm soát dịch bệnh các dịch bệnh đối với đàn gia súc cơ bản được khống chế,... 9 tháng đã triển khai tái

<sup>24</sup> Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Antimon, ớt khô, thốt tròn, chè vàng khô, tinh bột sắn, ván bóc, hạt lạc nhân khô, chuối xanh, quả thanh long, sầu riêng, dưa hấu, quả vải, quả mít...

<sup>25</sup> Thiết bị thủy điện, hành khô thái lát, đá ốp lát cẩm thạch, hạt hướng dương, máy dùng trong sản xuất nông nghiệp, năng lượng điện, cần trục bánh lốp (xe cần cẩu), hồ điện cực, than cốc...

<sup>26</sup> Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 9/2023 đạt 74,6 tỷ đồng, tăng 5,59% so với tháng trước và tăng 23,78% so với cùng kỳ.

<sup>27</sup> Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 223,9 tỷ đồng, tăng 32,05%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 376,0 tỷ đồng, tăng 13,13%; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 6,9 tỷ đồng, giảm 14,73%; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 2,1 tỷ đồng, tăng 29,92% so với cùng kỳ.

<sup>28</sup> Diện tích giảm do đầu vụ thời tiết khô hạn, diện tích đất không đủ nước được chuyển sang gieo trồng các loại cây trồng khác.

<sup>29</sup> Vụ Xuân hạn hán, sản lượng ngô giảm, để đảm bảo tổng sản lượng lương thực một số huyện vùng cao như Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc đã chủ động trồng lại diện tích ngô bị chết do hạn hán.

<sup>30</sup> Trong đó: Diện tích lúa cả năm ước đạt 37.637 ha, giảm 42,54 ha so với năm 2022, trong đó: Diện tích lúa ruộng 37.336 ha, giảm 7,42 ha; năng suất lúa cả năm ước đạt 57,94 tạ/ha, giảm 0,09 tạ/ha; sản lượng lúa cả năm ước đạt 218.073 tấn, tăng 1.542,8 tấn. Ngô gieo trồng cả năm ước đạt 55.091 ha, so với năm 2022 tăng 0,76% bằng 415,8 ha; năng suất bình quân ước đạt 35,19 tạ/ha, tăng 2,0 tạ/ha; sản lượng ước đạt 193.882 tấn, giảm 4,23% bằng 8.570,6 tấn. Đậu tương: Đậu tương gieo trồng ước đạt 12.508,6 ha, so với năm 2022 giảm 3,06% bằng 394,6 ha; sản lượng ước đạt 18.888,3 tấn, giảm 5,11% bằng 1.016 tấn, do người dân chuyển đổi diện tích sang các cây trồng hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao hơn. Lạc gieo trồng cả năm ước đạt 9.021,8 ha, giảm 328,6 ha; sản lượng ước đạt 24.016,3 tấn, giảm 6,44% bằng 1.599 tấn. Rau các loại toàn tỉnh ước đạt 19.807 ha, tăng 2,03% so với năm 2021 bằng 394,3 ha; sản lượng ước đạt 125.475,3 tấn, tăng 1.527,6 tấn.

đàn lợn được trên 49.595 con. Tính đến 15/9/2023, tổng đàn trâu 143.129 con, giảm 2,07%, tương đương 3.020 con; đàn bò 118.945 con, tăng 0,92%, tương đương 1.081 con; đàn lợn 586.912 con, tăng 4,10%, tương đương 23.116 con; đàn gia cầm 6.327,8 nghìn con, tăng 3,77%, tương đương 230 nghìn con so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 49.519,9 tấn, tăng 8,81% so với cùng kỳ<sup>31</sup>. Đã cung ứng 1.129.722 liều vắc xin các loại và tiêm được 1.181.575 lượt con gia súc, gia cầm.

c) *Lâm nghiệp*: Thực hiện trồng rừng mới tập trung được 2.504,6 ha (trồng rừng sản xuất 885,7 ha, trồng sau khai thác được 1.618,9 ha), trồng cây phân tán 1.091,8 nghìn cây các loại; chăm sóc rừng trồng 1.521 ha. Thực hiện tốt phương án phòng cháy chữa cháy rừng, tuy nhiên, do nắng nóng kéo dài xảy ra 16 vụ cháy rừng<sup>32</sup> (tăng 14 vụ so với cùng kỳ), diện tích rừng thiệt hại 36,558 ha (*cháy rừng tự nhiên 33,732 ha; cháy rừng trồng 2,826 ha*). Phát hiện 137 vụ vi phạm Luật lâm nghiệp (giảm 24 vụ so với cùng kỳ), đã xử lý 111 vụ (khởi tố hình sự 10 vụ, xử lý hành chính 101 vụ), tịch thu 32,2 m<sup>3</sup> gỗ các loại; thu nộp ngân sách nhà nước 753,804 triệu đồng. Tổng sản lượng gỗ khai thác từ đầu năm 2023 đến nay 33.367,05 m<sup>3</sup> (khai thác rừng trồng 29.659,5 m<sup>3</sup>, khai thác cây phân tán 3,707,55 m<sup>3</sup>); Giá trị lâm sản ước đạt 50,0 tỷ đồng.

d) *Thủy sản*: Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng 9 tháng ước đạt 1.820,7 tấn, tăng 4,76%, trong đó: sản lượng khai thác 167,3 tấn, tăng 3,06%; sản lượng nuôi trồng 1.653,4 tấn, tăng 4,94%. Đã phát động các địa phương thực hiện hưởng ứng thả giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản trên các sông, hồ được 4.886 kg cá giống các loại.

đ) *Thực hiện Đề án cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ và Đề án phát triển bền vững cây cam sành*

Triển khai Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh về cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững năm 2023, đến nay có 540 hộ/816 hộ thực hiện, đạt 66,18% kế hoạch, cải tạo diện tích vườn 169.514 m<sup>2</sup>; đã giải ngân cho các hộ vay vốn 15.575 triệu đồng, đạt 82% kế hoạch năm 2023<sup>33</sup>; các cây trồng, vật nuôi của các hộ tham gia cải tạo vườn tạp sinh trưởng, phát triển bình thường.

Triển khai Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh về phát triển bền vững cây cam sành năm 2023, đến nay có 59 hộ vốn vay đầu tư nâng

<sup>31</sup> Sản lượng thịt trâu xuất chuồng 4.601 tấn, tăng 1,49%, bằng 67,5 tấn; sản lượng thịt bò xuất chuồng 3.567,1 tấn, tăng 2,89% bằng 100,1 tấn; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 32.055,1 tấn, tăng 8,51% bằng 2.512,8 tấn; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 9.292,7 tấn, tăng 16,69% bằng 1.329 con so với cùng kỳ.

<sup>32</sup> Yên Minh 01 vụ/0,5 ha (rừng trồng); Vị Xuyên 07 vụ/33,347 ha (rừng tự nhiên 32,220 ha; rừng trồng 1,127 ha); Quang Bình 01 vụ/ 0,038 ha rừng tự nhiên; Hoàng Su Phì 02 vụ/0,093 ha tự nhiên; Mèo Vạc 01 vụ/0,0948 ha rừng trồng; Đồng Văn 01 vụ/1,795 ha (rừng tự nhiên 0,69 ha; rừng trồng 1,105 ha); Quản Bạ 01 vụ/0,028 ha rừng tự nhiên; TP Hà Giang 01 vụ/0,1823 ha rừng tự nhiên; Bắc Quang 01 vụ/0,4806 ha rừng tự nhiên.

<sup>33</sup> Lũy kế từ khi thực hiện Đề án đến nay 6.336/6.500 hộ (thực hiện theo Nghị quyết số "58" là 2.871/6.500 hộ, thực hiện cải tạo vườn tạp không thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết là 3.465 hộ), tổng số kinh phí đã giải ngân 97.189,2 triệu đồng/2.756 hộ. Đến nay, các vườn được cải tạo để trồng các loại rau, củ quả, dược liệu, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; các cây, con sinh trưởng và phát triển tốt.

cao chất lượng cam sành, với tổng kinh phí giải ngân 5.286 triệu đồng (đạt 63,1% kế hoạch); diện tích được vay vốn đầu tư 88,1ha<sup>34</sup>.

e) *Chương trình OCOP*: Tập trung hỗ trợ nâng hạng sao cho các sản phẩm OCOP đã được chứng nhận; rà soát lựa chọn các sản phẩm đặc trưng, đặc hữu, sản phẩm chủ lực của tỉnh để tham gia chương trình năm 2023. Đến nay, các huyện, thành phố đã đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng 130 sản phẩm (sản phẩm phát triển mới 81 sản phẩm, đánh giá lại 49 sản phẩm).

#### 4.3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 9/2023 tăng 5,46% so với tháng trước; 9 tháng năm 2023 ước giảm 16,26% so với cùng kỳ. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 47% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 16,19%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt giảm 19,81% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,95%. Các dự án đầu tư lưới điện được quan tâm dồn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Do ảnh hưởng thời tiết những tháng đầu năm hạn hán kéo dài dẫn đến lưu lượng nước về hồ chứa thủy điện ít, các nhà máy thủy điện không đủ nước để phát điện theo công suất, sản lượng điện 9 tháng đạt 1.977 triệu Kwh, giảm 20,29% so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế) tháng 9/2023 ước đạt 1.118,9 tỷ đồng, tăng 8,54% so với tháng trước và tăng 13,02% so với cùng kỳ; 9 tháng ước đạt 6.566,2 tỷ đồng, giảm 2,13% so với cùng kỳ.

#### 3.4. Tài chính, tín dụng

a) *Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn* 9 tháng ước đạt 1.360 tỷ đồng, đạt 60% kế hoạch TW giao và 45,3% kế hoạch tỉnh giao, giảm 12,5% so với cùng kỳ, cụ thể:

- Thu nội địa đạt 1.238 tỷ đồng, đạt 56,6% kế hoạch TW giao và 43% kế hoạch tỉnh giao, giảm 15,9% so với cùng kỳ<sup>35</sup>, do thực hiện chính sách miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế theo quy định của TW; thời tiết hạn hán, công suất phát điện của các thủy điện thấp, hạn thu sử dụng đất... Có 03/12 địa bàn, đơn vị nộp NSNN đạt dự toán trên mức bình quân chung và tăng so cùng kỳ, gồm: huyện Bắc Quang (đạt 85,2%, tăng 16,6%); Quang Bình (đạt 52,9%, tăng 6,2%); Yên Minh (đạt 42,8%, tăng 34,5%); có 6/12 địa bàn đạt trên mức bình quân chung, gồm: huyện Hoàng Su Phì 54,2%, Xín Mần 60,5%, Vị Xuyên 43,3%, Bắc Mê 45,4%, Quản Bạ 48,2%, Văn phòng Cục Thuế 42,1%, Mèo Vạc 43,6%; còn lại 2/12 địa bàn đạt dưới mức bình quân chung là Đồng Văn 15,2%, thành phố Hà Giang 24,8%.

- Thu thuế xuất nhập khẩu đạt 115 tỷ đồng, đạt 143,8% kế hoạch TW giao và bằng 127,8% kế hoạch tỉnh giao, tăng 54,7% so với cùng kỳ; Thu viện trợ, tài trợ, huy động đóng góp 6,7 tỷ đồng đạt 22,3% kế hoạch.

<sup>34</sup> Lũy kế từ khi thực hiện Đề án đến nay 226 hộ với tổng số kinh phí đã giải ngân 23.288,4 triệu đồng/377 ha. Các diện tích vay vốn đầu tư nâng cao chất lượng được người dân quan tâm, chú trọng đầu tư thâm canh, chăm sóc nên cây khỏe, lá xanh đậm, cây sinh trưởng, phát triển bình thường.

<sup>35</sup> (1) Thu thuế, phí 1.153 tỷ đồng, đạt 54,2% kế hoạch TW giao và 40,9% kế hoạch tỉnh giao, giảm 18,8% so với cùng kỳ, cụ thể: Theo lĩnh vực: Ước 9/17 khoản thu, sắc thuế đạt trên mức bình quân chung (40,9%) so với dự toán tỉnh giao, gồm: Thuế thu nhập cá nhân 69,3%; Phí lệ phí 53,5%; thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý 76%; thu từ khu vực DNNN do TW quản lý 45,8%; Khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 57,9%; các khoản thu đạt thấp nhất gồm: thu tiền sử dụng đất 9,8%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 26%; thuế bảo vệ môi trường 37,2%.... (2) Thu khác ngân sách 78 tỷ đồng, đạt 130,3% kế hoạch TW và tỉnh giao, tăng 49,2% so với cùng kỳ.

b) *Chi ngân sách địa phương* trong 9 tháng 13.317 tỷ đồng, đạt 57,2% kế hoạch tỉnh giao, trong đó: Chi đầu tư phát triển 2.976,8/6.912 tỷ đồng, đạt 43% kế hoạch tỉnh giao; Chi thường xuyên 7.754 tỷ đồng, đạt 63,5% kế hoạch.

c) *Tín dụng*: Tổng dư nợ tín dụng ước đến 30/9/2023 đạt 29.229 tỷ đồng, tăng 206 tỷ đồng so với tháng trước, tương đương 0,7%; tăng 1.129 tỷ đồng so với cùng kỳ, đạt 62,5% kế hoạch. Doanh số cho vay tín dụng ước đạt 24.233 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ, tương đương tăng 1.071 tỷ đồng; doanh số thu nợ ước 23.593 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

#### **4.5. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư**

Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực. Tiếp tục triển khai thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Triển khai nhiệm vụ Khảo sát đánh giá năng lực điều hành về kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Hà Giang năm 2023; Xây dựng dự kiến Chương trình XTĐT năm 2024; mời các doanh nghiệp của địa phương tham dự Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Trung Quốc. Tổ chức thực hiện hỗ trợ khảo sát, giải quyết đề nghị đầu tư dự án của 19 doanh nghiệp. Cung cấp thông tin tài liệu, ấn phẩm quảng bá địa phương tại 13 hội nghị, đoàn công tác và theo yêu cầu của các tổ chức trong và ngoài nước<sup>36</sup>.

9 tháng năm 2023, có 05 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký 384,25 tỷ đồng; cấp điều chỉnh 33 dự án thuộc các lĩnh vực: Thủy điện, khoáng sản, xăng dầu, dược liệu, khách sạn... Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 309 dự án có vốn đầu tư trong nước, tổng vốn 47.280,93 tỷ đồng. Chấp thuận 01 nhà đầu tư (đáp ứng yêu cầu về năng lực kinh nghiệm) thực hiện Dự án Khu đô thị Cao nguyên đá huyện Mèo Vạc theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư với hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu. Có 02 dự án đã được khởi công xây dựng<sup>37</sup>. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư 23 dự án với tổng số tiền 1,79 triệu đồng. Chấm dứt, thông báo hết hạn hoạt động đối với 21 dự án (trong đó có 01 dự án FDI). Tiếp tục giải quyết tồn tại, vướng mắc đối với các dự án đầu tư chậm tiến độ, ngừng hoạt động, không thực hiện; dự án còn vướng mắc về thủ tục pháp lý chưa triển khai thực hiện theo quy định, đến nay giảm còn 115/139 dự án.

#### **4.6. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã**

Tổ chức chương trình cung cấp giải pháp chuyển đổi số quản trị tài chính cho 70 doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Giang và huyện Vị Xuyên. Vận hành hiệu quả trang zalo hỗ trợ doanh nghiệp; Chia sẻ các ý tưởng khởi nghiệp và các cơ chế, chính sách mới về hỗ trợ khởi nghiệp trên nhóm Cộng đồng khởi

<sup>36</sup> Hội thảo kết nối doanh nghiệp Việt Nam và Hồng Kông; Hội nghị hợp tác phi tập trung Việt Nam – Pháp lần thứ XII tại thành phố Hà Nội; Đoàn công tác của tỉnh tại tỉnh Luông – pha – bang (Nước CHDCND Lào); các hoạt động đối ngoại năm 2023 và cung cấp sản phẩm truyền thông, quảng bá hình ảnh tỉnh Hà Giang ra thế giới; các thông tin về xúc tiến đầu tư cho Cơ quan Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc; tài liệu quảng bá đầu tư cho hội nghị Bàn tròn xúc tiến đầu tư Bất động sản du lịch nông nghiệp Việt Nam; ngày hội du lịch tỉnh Sơn La và cung cấp thông tin về các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh cho Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư; cung cấp các thông tin để tuyên truyền về môi trường đầu tư Hà Giang tỉnh cho báo Diễn đàn doanh nghiệp (VCCI); diễn đàn Điều phối lần thứ nhất về phát triển khu vực tư nhân tại Yên Bái; diễn đàn đầu tư Invesfov của Hội liên lạc người Việt Nam ở nước ngoài; Hội nghị quốc tế lần thứ 10 của UNESCO về Công viên Địa chất Toàn cầu tại Maroc.

<sup>37</sup> Dự án Khu Papiu - Lũng Hồ 2 tại thôn Cáp 2, xã Lũng Hồ, huyện Yên Minh.

ng nghiệp tỉnh. Tính đến ngày 17/9/2023<sup>38</sup>, có 232 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc đăng ký thành lập mới (tăng 22 doanh nghiệp so với cùng kỳ), với số vốn đăng ký 786,6 tỷ đồng; 117 doanh nghiệp và ĐVTT tạm ngừng hoạt động; 55 doanh nghiệp, ĐVTT giải thể; Có 89 doanh nghiệp hoạt động trở lại; đăng ký qua mạng 725 lượt, đạt 95%<sup>39</sup>. Về hợp tác xã, trong 9 tháng thành lập mới được 63 HTX; Tạm ngừng 12 HTX và 5 HTX giải thể. Đến 17/9/2023, toàn tỉnh có 853 hợp tác xã và 10 quỹ tín dụng nhân dân, trong đó: 679 HTX đang hoạt động; 160 HTX ngừng hoạt động; 14 HTX giải thể.

## **5. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ**

Quản lý 43 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó có 39 nhiệm vụ cấp tỉnh (Gồm: 27 nhiệm vụ chuyển tiếp<sup>40</sup>, 12 đề tài phê duyệt mới); tập trung nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Nghiệm thu cấp tỉnh 09 nhiệm vụ<sup>41</sup>. Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, góp phần tạo dựng uy tín, quảng bá thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm của tỉnh được đẩy mạnh.

## **6. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai**

Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 11 huyện, thành phố. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 đảm bảo gắn kết với các quy hoạch liên quan. Ban hành 02 Kế hoạch định giá đất cụ thể để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh với 51 khu đất, thửa đất. Đến 15/9/2023 đã có 45/57 dự án ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2023 với tổng số tiền 9.766,9 triệu đồng. Kiểm tra, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong cấp phép, hoạt động khai thác khoáng sản, đất đai<sup>42</sup>.

Trong 9 tháng do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, trên địa bàn tỉnh xảy ra 10 đợt thiên tai (mưa lũ, sạt lở đất...)<sup>43</sup>, tổng thiệt hại ước khoảng 98,7 tỷ đồng. Ngay sau khi thiên tai xảy ra, lực lượng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp đã kịp thời xuống hiện trường thông kê thiệt hại, huy động lực lượng khắc phục, hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống.

## **6. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

**6.1. Giáo dục và đào tạo:** Quy mô mạng lưới trường, lớp được rà soát, sắp xếp, tổ chức lại theo hướng tinh gọn. Trong 9 tháng, thành lập mới 01 trường trọng điểm về chất lượng THCS Chu Văn An, huyện Quang Bình; thành lập Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang. Tính đến tháng 9/2023 có 314/612 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 51,30%. Toàn ngành Giáo dục có 17.860 cán bộ quản lý, giáo

<sup>38</sup> Trong tháng 9/2023 đã tiếp nhận và trả kết quả cho 50 lượt doanh nghiệp và ĐVTT, trong đó 9 DN và 2 ĐVTT đăng ký thành lập mới; 11 doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD, 25 ĐVTT giải thể; 01 Công ty chuyển đổi loại hình; 02 công ty tạm ngừng hoạt động.

<sup>39</sup> Lũy kế toàn tỉnh có 3.784 doanh nghiệp (trong đó: 2.636 doanh nghiệp và 1.148 ĐVTT) với tổng số vốn đăng ký 36.507,3 tỷ đồng, có 2.755 doanh nghiệp, ĐVTT đang hoạt động.

<sup>40</sup> Có 05 dự án sở hữu trí tuệ

<sup>42</sup> Thực hiện tổng số 06 cuộc thanh tra và 09 cuộc kiểm tra, kết quả đã phát hiện sai phạm và đề nghị xử phạt 27 tổ chức với số tiền 2.889 triệu đồng.

<sup>43</sup> Cụ thể: làm chết 04 người, bị thương 03 người; gây thiệt hại cho 876 nhà dân Nhà bị sập đổ (Cuốn trôi hoàn toàn: 09 nhà; nhà có nguy cơ sạt lở cần phải di dời: 14 nhà; nhà phải di chuyển khẩn cấp: 16 nhà; nhà bị hư hỏng phần mái: 670 nhà; nhà bị ảnh hưởng do sạt lở đất, đá và ngập úng: 167 nhà); 17 trường học, 11 điểm trường, 01 trạm phát sóng viễn thông, 03 trụ sở thôn, trạm y tế, 16 cột điện và thiệt hại, ảnh hưởng về nông lâm nghiệp, cụ thể: lúa 451,9 ha, ngô 5.022,8 ha, hoa màu 727,4 ha; diện tích cây lâm nghiệp 52 ha, cây công nghiệp và cây ăn quả 21 ha; vật nuôi bị chết 883 con; chuồng trại chăn nuôi bị sập, hư hỏng 18 cái

viên, nhân viên<sup>44</sup> (thiếu khoảng 2.440 cán bộ, giáo viên, nhân viên<sup>45</sup>; nhất là các huyện vùng cao như: Yên Minh, Mèo Vạc, Bắc Mê, Xín Mần...). Công tác dạy học, phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi chưa bền vững, chưa có sự tiếp nối, kế thừa giữa các cấp học. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm 2023 đạt 94,25%<sup>46</sup>; tổ chức khai giảng năm học mới và triển khai nhiệm vụ học kỳ I năm học 2023-2024; Tỷ lệ duy trì sĩ số hằng ngày trung bình các cấp học đạt trên 98%. Tổ chức thành công Hội nghị của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Giang giai đoạn 2023 - 2030.

**6.2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:** Tích cực triển khai các biện pháp, phương án phòng chống dịch bệnh Bạch hầu, tính đến ngày 14/9/2023 có 97 ca nghi mắc bệnh Bạch hầu, hiện đang được theo dõi và điều trị; Có 08 ca dương tính; đã có 01 ca tử vong do bệnh Bạch hầu tại xã Khâu Vai - Mèo Vạc, 04 ca tử vong do nghi ngờ mắc bạch hầu. Tổ chức tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ; từ đầu năm tiêm chủng cho 10.792/16.127 trẻ, đạt 66,9% kế hoạch. Thực hiện 3.458 buổi truyền thông an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh thực phẩm và cộng đồng; 9 tháng xảy ra 11 vụ ngộ độc thực phẩm với 50 ca mắc, 06 ca tử vong, nguyên nhân chủ yếu do ăn lá, hoa, quả cây rừng, nấm rừng, rượu, bột ngô mốc.

### **6.3. Công tác giáo dục nghề nghiệp, việc làm, an sinh xã hội**

- *Về giáo dục nghề nghiệp:* Trong 9 tháng tổ chức tuyển sinh các cấp trình độ 16.707 người đạt 159,1% KH (tăng 231% so với cùng kỳ năm 2022), trong đó: hệ cao đẳng 52 người, trung cấp 1.299 người, sơ cấp và dưới 3 tháng 15.356 người; duy trì đào tạo 2.416 người (trong đó Cao đẳng 320 sinh viên; Trung cấp 2.096 học sinh).

- *Về lao động, việc làm:* Thẩm định 05 đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động người nước ngoài với 20 vị trí sử dụng lao động nước ngoài cho 09 đơn vị; giới thiệu 09 doanh nghiệp đến tư vấn, tuyển chọn lao động đi làm việc có thời hạn tại Nhật Bản và 06 doanh nghiệp tuyển chọn lao động trong nước. Tổ chức 212 hội nghị tư vấn giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp cho 13.834 người, đạt 120,3% KH (tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2022), trong đó giới thiệu việc làm thành công cho 598 người; Ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 1.871 người; Toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 15.842 lao động, đạt 89% KH (giảm 15,1% so với cùng kỳ), trong đó: đi làm việc ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động 11.250 người (xuất khẩu 232 lao động, chủ yếu là thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc).

- *Về an sinh, xã hội:* Thực hiện chi trả chế độ trợ cấp thường xuyên hàng tháng đối với 2.821 người có công và thân nhân người có công (NCC); giải quyết chế độ chính sách người có công cho 1.069 đối tượng mới phát sinh, với tổng kinh phí trên 16,2 tỷ đồng. Thăm và tặng quà các gia đình chính sách NCC với cách mạng và an sinh xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 cho 9.386 đối tượng. Tổ chức thăm, tặng quà, chúc mừng thọ cho người cao tuổi nhân dịp Tết nguyên đán Quý Mão năm 2023 với 106.285 xuất quà cho các đối tượng xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em có HCKK và các đối tượng khác, trị giá 51.386,041 triệu đồng; Thực

<sup>44</sup> Trong đó, cán bộ quản lý, lãnh đạo 1.619 người; giáo viên 14.654 người; giáo viên tổng phụ trách Đội 347 người; nhân viên 1.240 người.

<sup>45</sup> Trong đó cán bộ, giáo viên thiếu 1.881 người (Mầm non thiếu 776; Tiểu học thiếu 512; THCS thiếu 503; THPT/GDTX/công chức thiếu 90); nhân viên thiếu 559 người.

<sup>46</sup> Trong đó: THPT là 5.193/5.419, đạt 95,83%; GDTX là 438/520, đạt 84,23%; TSTD là 59/98, đạt 60,20%.

hiện đầy đủ và kịp thời chế độ trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng đối với 56.624 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 226,8 tỷ đồng. Tiếp nhận, cấp phát cho 5.165 hộ = 23.423 khẩu với 351.345 kg gạo đến các hộ gia đình trước Tết Nguyên Đán; Tổng hợp cứu đói giáp hạt cho 3.989 hộ = 20.695 khẩu với 522.615 kg gạo.

#### **6.4. Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin truyền thông**

Hoàn thiện 05 hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể<sup>47</sup> (vượt 67% kế hoạch) và 01 hồ sơ di tích đền Mẫu đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng.

Triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Nghị quyết 27-NQ/TU ngày 01/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện xóa bỏ hủ tục, lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 10/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đạt được những kết quả quan trọng<sup>48</sup>. Tổ chức các lễ hội văn hóa truyền thống thu hút đông đảo sự quan tâm của người dân và du khách. Tham dự Hội nghị quốc tế lần thứ 19 UNESCO về Công viên địa chất toàn cầu tại Maroc và ký kết thỏa thuận kết nghĩa với CVDC toàn cầu Arouca Bồ Đào Nha. Phong trào thể thao quần chúng được đẩy mạnh; số người tập luyện TDTT ước đạt 26%, số gia đình thể thao ước đạt 16% (đạt 100% kế hoạch); Tổ chức thành công 09 giải<sup>49</sup>, đạt 90% KH; Tham gia 03 giải do Trung ương tổ chức đạt 33 huy chương các loại<sup>50</sup>. Về thể thao thành tích cao, cử 01 huấn luyện viên làm trọng tài và 01 vận động viên tham gia đội tuyển Việt Nam tham gia Seagames 32, đạt Huy chương Đồng môn Võ gậy (Arnis); 01 vận động viên Bóng ném tham gia giải Vô địch Bóng ném trẻ Châu Á tại Hồng Kông đạt giải Nhì.

Thực hiện truyền thông hiệu quả nhiều nội dung trên các nền tảng công nghệ số<sup>51</sup>. Các hoạt động thông tin, truyền thông, báo chí, phát thanh, truyền hình, công thông tin và các trang thông tin điện tử cấp tỉnh, cấp huyện phong phú, có chất lượng; không ngừng đổi mới và nâng lên, góp phần giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tạo đồng thuận trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

**7. Công tác dân tộc, tôn giáo:** Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, trình Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho 01 người có uy tín và chủ nhiệm Ủy ban dân tộc tặng bằng khen cho 29 người có uy tín. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định, tuân thủ pháp luật.

<sup>47</sup> Hát Páo Dung của người Dao; Lễ hội cầu mùa của dân tộc Pà Thẻn huyện Bắc Quang; Kỹ thuật làm nón lá hai mé của người Tày, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình; Lễ cúng thần rừng của người Cờ Lao; Hát Quan làng của người Tày.

<sup>48</sup> Toàn tỉnh có 9.910 cặp đôi đăng ký kết hôn, tổ chức cưới theo nếp sống văn minh; vận động, can thiệp hoãn 330 cặp chưa đủ điều kiện kết hôn. Các hủ tục trong đám tang dần được loại bỏ, không còn hiện tượng mời thầy cúng yểm bùa, trừ tà, lẩn đường, khóc mướn... bài cúng của thầy mo, thầy tạo được rút ngắn; hạn chế giết mổ nhiều gia súc, rượu chè linh đình nhiều ngày; thời gian tổ chức tang lễ không quá 48 giờ, thi hài người chết được chôn cất chu đáo. Các lễ hội truyền thống được tổ chức trang trọng, tiết kiệm...

<sup>49</sup> Gồm: Giải Khiêu vũ - Dân vũ thể thao; Giải Vô địch Việt dã; Giải Thể thao dân tộc; Giải Vô địch Bóng bàn Báo Hà Giang; Giải Võ thuật; Giải Vô địch Cầu lông; Giải Vô địch bóng chuyền; Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang năm 2023, tại huyện Quản Bạ; Giải Bóng đá nhi đồng.

<sup>50</sup> Tham gia giải thể thao người khuyết tật toàn quốc tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh: Kết quả đạt 33 huy chương các loại (trong đó: 6 HCV, 11 HCB, 16 HCD, xếp thứ 4/17 đoàn tham gia); giải bóng đá nhi đồng vòng loại - Bảng II tại tỉnh Quảng Nam; giải Cầu lông thiếu niên quốc gia tại thành phố Đà Nẵng.

<sup>51</sup> Các sự kiện văn hóa, lễ hội, du lịch; các cuộc thi tìm hiểu nghị quyết đại hội đảng các cấp; công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống thiên tai và phòng chống dịch Covid-19...

## 8. Công tác nội vụ, cải cách hành chính, thanh tra và tiếp công dân

Ban hành và triển khai Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023; kế hoạch tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023 từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc; kế hoạch tuyển dụng viên chức của 19 cơ quan, đơn vị. Thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023. Hoàn thành kỳ thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chỉ đạo quyết liệt khắc phục hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính<sup>52</sup>. Thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định. Trong 9 tháng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho 1.836 DVC/1.893 TTHC, DVC trực tuyến; đã tiếp nhận 124.355 hồ sơ; số lượng hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn 115.964/118.821 hồ sơ, đạt 97,5%, số lượng hồ sơ đang giải quyết (trong hạn) 3.779/4.410 hồ sơ, đạt 85,69%. Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến đạt 65,82%.

Công tác thanh tra, kiểm tra tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch. Trong 9 tháng đã triển khai thực hiện 58 cuộc thanh tra hành chính; Kịp thời phát hiện các sai phạm, kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 15.018 triệu đồng; xử phạt vi phạm hành chính 7.184,74 triệu đồng<sup>53</sup>. Công tác tiếp công dân, phân loại và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh được thực hiện nghiêm túc; các đơn thư thuộc thẩm quyền được xử lý đúng quy trình, đúng thời hạn.

## 9. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt công tác huấn luyện, giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tại 03 huyện Quản Bạ, Quang Bình, Đồng Văn đảm bảo an toàn, hiệu quả, chất lượng. Tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ 900/900 đồng chí, đạt 100% chỉ tiêu. Công tác bảo đảm an ninh được triển khai đồng bộ, quyết liệt, chủ động trên các lĩnh vực, địa bàn; tình hình an ninh chính trị tại địa phương được giữ vững, ổn định; triển khai quyết liệt các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; giải quyết hiệu quả các vụ án, vụ việc không để tồn đọng; phát hiện 136 vụ về tội phạm trật tự xã hội (tăng 07 vụ so với cùng kỳ), đã khởi tố 136 vụ, điều tra làm rõ 134 vụ/188 bị can, đạt tỉ lệ 98,5%. Tuần tra kiểm soát, phát hiện và xử lý 22.483 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông (giảm 4.656 trường hợp so với cùng kỳ); tai nạn giao thông xảy ra 14 vụ

<sup>52</sup> Các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2022 giảm so với năm 2021, trong đó: chỉ số PAPI giảm 1.655 điểm, giảm 16 bậc (xếp thứ 40/63); chỉ số SIPAS giảm 9,4%, giảm 19 bậc (xếp thứ 37/63); chỉ số PAR Index giảm 2,36 điểm, giảm 12 bậc (xếp thứ 40/63).

<sup>53</sup> Thanh tra hành chính: Tổ chức 58 cuộc, ban hành 60 kết luận thanh tra, số đơn vị thanh tra là 105 đơn vị. Tổ chức 158 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, đã ban hành 85 kết luận thanh tra, kiểm tra đối với 212 tổ chức, 219 cá nhân thuộc các lĩnh vực: Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kiểm tra tại trọng xe; lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác quản lý Tài chính - Ngân sách; việc chấp hành pháp luật về hoạt động điện lực, sử dụng điện; đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng các công trình xây dựng thuộc dự án điện đến 35kV; lĩnh vực giáo dục; lĩnh vực xây dựng; lĩnh vực tài nguyên môi trường và một số lĩnh vực khác...; ban hành 186 quyết định xử phạt hành chính đối với 116 tổ chức, 70 cá nhân vi phạm.

làm chết 14 người, 03 người bị thương (giảm 02 vụ, 01 người chết, 04 người bị thương so với cùng kỳ). Xảy ra 09 vụ hỏa hoạn (giảm 11 vụ so với cùng kỳ), làm 01 người chết, thiệt hại khoảng 5,9 tỷ đồng. Hành vi tự tử và tai nạn rủi ro tăng so với cùng kỳ, đã xảy ra 99 vụ làm 100 người chết, 02 người bị thương (tăng 05 vụ, 02 người chết, 02 người bị thương so với cùng kỳ). Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch diễn tập phương án CC và CNCH cấp tỉnh có huy động nhiều lực lượng, phương tiện tham gia.

Công tác đối ngoại đạt được kết quả tích cực; tính đến ngày 15/9/2023, cho phép 37 đoàn/278 lượt cán bộ đi nước ngoài làm việc, tham dự hội nghị, hội đàm, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài (tăng 35 đoàn/267 lượt người so với cùng kỳ). Tổ chức đón tiếp 18 đoàn/291 lượt người nước ngoài đến thăm, làm việc chính thức tại tỉnh (tăng 15 đoàn/254 lượt người). Tổ chức 7 hội nghị, hội đàm<sup>54</sup> với các địa phương, cơ quan đối đẳng phía Trung Quốc và địa phương nước ngoài (giảm 15 hội nghị). Ký mới 13 thỏa thuận<sup>55</sup> (tăng 07 thỏa thuận so với cùng kỳ).

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả đạt được

Triển khai nhiệm vụ phát triển triển kinh tế - xã hội phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, sự linh hoạt, quyết liệt chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi phát triển sản xuất kinh doanh; chủ động xây dựng, ban hành một số Nghị quyết về chính sách hỗ trợ; tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, cùng với sự đoàn kết, nỗ lực của các cấp các ngành, địa phương, tham gia tích cực của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế của tỉnh trong 9 tháng duy trì ổn định và phát triển, các ngành, lĩnh vực quan trọng tiếp tục phát triển, cụ thể như sau:

<sup>54</sup> Gồm: (1) Chương trình Gặp gỡ đầu xuân năm 2023 giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 14 Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh Hà Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); (2) Hội nghị thường niên lần thứ 3 giữa các Bí thư Tỉnh ủy và Hội nghị lần thứ 9 nhóm công tác liên hợp giữa các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); (3) Hội đàm giữa UBND tỉnh Hà Giang và Chính quyền nhân dân châu Văn Sơn, Trung Quốc; (4) Hội đàm giữa Đoàn đại biểu tỉnh Hà Giang và Đoàn đại biểu Văn phòng Ngoại sự kiều vụ châu Văn Sơn (Trung Quốc); (5) Đại hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Hà Giang lần thứ 2, nhiệm kỳ 2023-2028; (6) Hội nghị trực tuyến và ký kết Bản ghi nhớ hợp tác với quận Wanju, tỉnh Jeollabuk, Hàn Quốc; (7) Hội đàm giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang với Đoàn đại biểu Sở Văn hóa và Du lịch tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

<sup>55</sup> Gồm: (1) Biên bản Hội nghị giữa Tỉnh ủy các tỉnh Hà Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Bí thư Khu ủy khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2023; (2) Thỏa thuận về hợp tác đào tạo cán bộ giữa Tỉnh ủy Hà Giang, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Khu ủy khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Đảng Cộng sản Trung Quốc, giai đoạn 2023 - 2027; (3) Bản ghi nhớ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Việt Nam và Chính quyền nhân dân thành phố Bách Sắc, Trung Quốc về thúc đẩy triển khai giao lưu, hợp tác hữu nghị; (4) Biên bản Hội nghị thường niên lần thứ 3 giữa Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) và Bí thư Tỉnh ủy Vân Nam (Trung Quốc); (5) Kế hoạch hành động hợp tác thí điểm về giảm nghèo bền vững giữa các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), giai đoạn 2023 - 2025; (6) Biên bản Phiên họp lần thứ 9 Nhóm Công tác liên hợp giữa các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); (7) Thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Hà Giang và Tổ chức Good Neighbors International tại Việt Nam; (8) Thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Hà Giang với tổ chức Actionaid quốc tế tại Việt Nam và Quỹ AFD; (9) Bản ghi nhớ dự án "Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tại thôn Khai Hoàng II, xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang" do Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam tài trợ; (10) Bản ghi nhớ hợp tác với quận Wanju, tỉnh Jeollabuk, Hàn Quốc; (11) Biên bản ghi nhớ giữa Huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và huyện Hadong, Hàn Quốc; (12) Biên bản hợp tác giữa CVĐCTC Cao nguyên đá Đồng Văn với CVĐCTC UNESCO Arouca, Bồ Đào Nha ký tháng 9/2023; (13) Biên bản hợp tác giữa CVĐCTC UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn với CVĐC tiềm năng UNESCO Cao nguyên đá Mine-Akiyoshidai, Nhật Bản.

- Lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng mạnh; du lịch có nhiều khởi sắc, đang phát triển theo hướng bền vững, dần trở thành ngành kinh tế mũi của tỉnh; Tổ chức nhiều chương trình, sự kiện văn hóa thu hút sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước, lượng khách đến Hà Giang tăng cao so với cùng kỳ (tăng 35% so với năm 2022 và đạt 86% KH). Các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển mạnh; kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 3,7 lần so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trên 14,6%. Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định và đảm bảo thời vụ, đa số chỉ tiêu sản xuất đều cao hơn so với cùng kỳ, tăng trưởng khá (tăng 4,76% so với cùng kỳ).

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá so với cùng kỳ năm trước (tăng 15,7%), góp phần quan trọng trong thực hiện mục tiêu huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh thi công các dự án trọng điểm, nhất là các dự án giao thông có tính kết nối, lan tỏa tới phát triển liên vùng, vùng và địa phương; Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội; các Chương trình Mục tiêu quốc gia được triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục đào tạo, giải quyết việc làm,... được triển khai kịp thời và có hiệu quả, nhất là các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt công tác chăm lo cho người nghèo, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; người có công với cách mạng. Công tác xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu trên địa bàn tỉnh được đồng bào các dân tộc hưởng ứng, bước đầu đạt nhiều kết quả tốt.

- Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được quan tâm, chỉ số PCI năm 2022 tăng so với năm 2021. Cải cách hành chính được triển khai thực hiện quyết liệt, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng lên; các hoạt động về chuyển đổi số được quan tâm và thúc đẩy, đồng bộ, hiệu quả.

- Công tác quốc phòng được bảo đảm; an ninh biên giới, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, đường biên, mốc giới được giữ vững. Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục được duy trì, phát huy và mở rộng.

## **2. Hạn chế, yếu kém**

- Kinh tế 9 tháng tăng trưởng thấp so với cùng kỳ, ước đạt thấp hơn 1,81% so với kịch bản tăng trưởng; trong đó: Ngành công nghiệp đạt 95,51% so với kịch bản tăng trưởng. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng đạt 72,23%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, chiếm tỷ trọng và quy mô, có tác động mang tính quyết định tới sự tăng trưởng của toàn ngành công nghiệp của tỉnh mới đạt 84,47%.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn còn thấp so với kế hoạch giao, đặc biệt là thu nội địa, thu sử dụng đất; có 02 huyện đạt dưới mức bình quân chung là Đồng Văn 15,2%, thành phố Hà Giang 24,8%.

- Công tác giải ngân các nguồn vốn đầu tư công còn chậm, chưa đạt kế hoạch đề ra, nhất là Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (tại Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh, lộ trình giải ngân đến ngày 30/9/2023 là 85%, ước giải ngân đến 30/9/2023 đạt 47,5%). Công tác giải phóng mặt bằng (GPMB), thu hồi đất, bồi thường, tái định cư một số dự án còn chậm; giải quyết khó khăn, vướng mắc về thủ tục đất đai, giải phóng mặt bằng chưa kịp thời,

hiệu quả, nhất là dự án ODA; dự án trọng điểm, có quy mô lớn như: Đường cao tốc Tuyên Quang – Hà Giang, đoạn qua tỉnh Hà Giang (giai đoạn 1); Đường tỉnh ĐT.177;... chưa được thực hiện quyết liệt làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thi công dự án.

- Quá trình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia còn nhiều vướng mắc về thủ tục, tiến độ thực hiện còn chậm; công tác lập, thẩm định và phê duyệt các dự án khởi công mới còn kéo dài. Cấp huyện, xã tổ chức thực hiện còn lúng túng; năng lực của các chủ đầu tư, các xã còn nhiều hạn chế.

Việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất thuộc các Chương trình MTQG, nhất là triển khai các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tại các địa phương nhiều lúng túng, chậm triển khai, chưa phát huy được hiệu quả nguồn lực đầu tư. Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp rất thấp, mới đạt 23,7% kế hoạch. Tiến độ triển khai xây dựng nông thôn mới còn chậm, các tiêu chí NTM đạt thấp so với kế hoạch giao.

- Tiến độ trồng rừng đạt thấp, do quỹ đất trồng rừng mới tập trung bị thu hẹp tại các xã vùng II, III, không đáp ứng được các tiêu chí hỗ trợ trồng rừng theo chính sách.

- Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số vào sản xuất còn chậm. Chưa xây dựng được thương hiệu sản phẩm nông sản của tỉnh Hà Giang và phát triển các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực, giá trị cao. Sản phẩm du lịch phục vụ du khách chưa đa dạng, thiếu hấp dẫn.

- Chất lượng giáo dục còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tình trạng thiếu giáo viên chưa được giải quyết dứt điểm, nhất là giáo viên dạy ngoại ngữ, tin học. Chất lượng đào tạo nghề, nhất là các ngành, nghề mới chưa theo kịp nhu cầu phát triển của xã hội.

- Công tác kiểm tra, giám sát, hoạt động tuyên truyền chưa mạnh mẽ; Tình trạng ngộ độc thực phẩm, tử tử xảy ra tăng so với cùng kỳ.

- Công tác thu hút đầu tư dự án ngoài ngân sách còn rất nhiều khó khăn, hạn chế; Một số dự án của các nhà đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư triển khai còn chậm.

- Các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2022 giảm so với năm 2021. Kết quả giải quyết một số TTHC còn chậm, muộn so với quy định; tỷ lệ trực tuyến của một số dịch vụ công rất thấp.

- Chất lượng tham mưu và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp của một số Sở, ngành và các huyện, thành phố còn chậm,, chưa tích cực, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **3. Nguyên nhân của hạn chế**

#### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

- Tình hình thế giới, khu vực, tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, ở trong nước kinh tế vĩ mô suy giảm, lãi suất tín dụng biến động tăng cao; thị trường bất động sản, doanh nghiệp cả nước gặp khó khăn, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế, nhất là hoạt động sản xuất công nghiệp, một số doanh nghiệp hoạt động cầm chừng hoặc tạm dừng sản xuất, hàng tồn kho nhiều, thị trường tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn; thu hút đầu tư, bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất trên địa bàn tỉnh.

- Cơ chế, chính sách chưa đồng bộ và việc hướng dẫn triển khai thực hiện của các bộ, ngành Trung ương không đồng nhất, chưa sát thực tế địa phương, nên việc tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia gặp nhiều khó khăn.

- Thời tiết, biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan thường xuyên xảy ra, hiện tượng El Nino, nắng nóng, hạn hán trong những tháng đầu năm gây thiệt hại, ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất của nhân dân; ngành công nghiệp sản xuất điện trên địa bàn tỉnh.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, vướng mắc, chưa được sự đồng thuận của người dân; nguồn cung nguyên vật liệu xây dựng (cát, đá sỏi thông thường...) ở một số địa bàn, nhất là các huyện vùng cao núi đá còn khan hiếm, không đáp ứng được yêu cầu đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án.

- Một số chính sách miễn, giảm thuế ban hành trong năm 2022 vẫn còn ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn năm 2023<sup>56</sup>.

- Cơ sở hạ tầng một số lĩnh vực còn hạn chế, chưa đồng bộ (hạ tầng về điện, viễn thông, hạ tầng chuyển đổi số) dẫn đến việc tiếp cận công nghệ của người dân còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc thực hiện các TTHC trên môi trường điện tử.

### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tại một số địa phương, đơn vị chưa sâu sát, quyết liệt, thiếu tính chủ động và khoa học, chưa có giải pháp cụ thể trong xử lý các tình huống phức tạp, nhất là trong công tác đền bù GPMB, thu ngân sách, giải ngân các nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Người đứng đầu một số sở, ngành, đơn vị chưa nêu cao vai trò, trách nhiệm, chưa linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt trong quá trình thực hiện. Tinh thần phục vụ, đạo đức công vụ, chất lượng của một số ít cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, còn tình trạng đùn đẩy, sợ trách nhiệm.

- Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện các nhiệm vụ còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ, tính chủ động trong thực hiện các nhiệm vụ chưa cao.

- Về công tác giải ngân vốn đầu tư công: Trình tự, thủ tục đầu tư nhiều dự án trọng điểm khởi công mới còn kéo dài; năng lực một số nhà thầu tư vấn còn yếu. Một số chủ đầu tư thiếu quyết liệt tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong triển khai dự án nhất là công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Chất lượng lập kế hoạch và công tác chuẩn bị đầu tư, thủ tục đầu tư cho các dự án tại một số đơn vị còn chưa tốt, thiếu chủ động, hiệu quả, nhiều dự án trọng điểm khởi công mới còn kéo dài dẫn tới một số dự án chậm tiến độ.

- Năng lực, kinh nghiệm của các xã được giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia còn hạn chế, chưa cập nhật kịp thời các văn bản, chế độ, chính sách, quy trình, thủ tục, hồ sơ đảm bảo đúng quy định. Việc lập dự án theo hình thức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị còn gặp khó khăn khi

<sup>56</sup> Cụ thể: Thuế bảo vệ môi trường, tỉnh Hà Giang được điều chỉnh dự toán thu thuế bảo vệ môi trường giảm so với giao dự toán đầu năm 2023 gần 100 tỷ và được giảm 50% thuế Bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15; Thuế VA thu từ lĩnh vực Thủy điện giảm mạnh so với kế hoạch giao (trong khi nguồn thu này chiếm khoảng 30% trong tổng thu thuế GTGT trên địa bàn); Các Doanh nghiệp khai thác khoáng sản không tìm được hợp đồng đầu ra dẫn hàng tồn kho lớn và buộc các Doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động... dẫn đến các khoản thuế và phí phải nộp cho Nhà nước không đảm bảo kế hoạch đề ra.

lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết, các hợp tác xã trình độ, năng lực hạn chế. - Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường thu hút đầu tư chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, chưa có quỹ đất sạch, thiếu quy hoạch xây dựng, làm cơ sở cho nhà đầu tư nghiên cứu, đề xuất vị trí thực hiện dự án chưa tốt.

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân vẫn còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Đội ngũ làm công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật còn yếu. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm, giành nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chủ trương, chính sách còn hạn chế, đặc biệt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 3 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

Dự báo triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 3 tháng cuối năm sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức như quy mô, năng lực hoạt động, sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn vẫn còn thấp; thời tiết, khí hậu tiếp tục diễn biến khó lường; công tác đầu tư xây dựng, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng vẫn còn chưa được tháo gỡ triệt để; năng lực tài chính của các nhà đầu tư suy giảm, thị trường tiêu thụ khó khăn,... Để đạt được mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2023 là 7% (theo Kịch bản tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2023), hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2023 đã xác định; các cấp, các ngành phải bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, tình hình thực tiễn để kịp thời đề xuất các giải pháp phù hợp, hiệu quả; quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

#### **1. Điều hành kinh tế theo kịch bản tăng trưởng năm 2023**

Trong 3 tháng cuối năm 2023 phân đầu giá trị sản xuất (GO) đạt 21.837,7 tỷ đồng để đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn là 11,1% (cả năm 7%). Các cấp, các ngành cần tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả, đồng bộ, linh hoạt các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội để thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực; cụ thể như sau:

- Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản phân đầu giá trị sản xuất (GO) đạt 7.671,2 tỷ đồng để đạt tốc độ tăng trưởng GRDP là 4,97%;

- Khu vực công nghiệp - xây dựng phân đầu giá trị sản xuất (GO) đạt 7.079,39 tỷ đồng để đạt tốc độ tăng trưởng GRDP là 18,62%;

- Khu vực dịch vụ phân đầu giá trị sản xuất (GO) đạt 7.084 tỷ đồng để đạt tốc độ tăng trưởng GRDP là 14,15%.

#### **2. Thu ngân sách nhà nước**

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách, rà soát, đánh giá, phân tích cụ thể khả năng thu ngân sách đối với từng khu vực thu, sắc thuế và địa bàn, khai thác nguồn thu còn tiềm năng để bù đắp các khoản thu dự kiến không đạt dự toán; xây

dựng phương án tăng thu từ các nguồn thu có lợi thế, còn dư địa. Quan tâm chống thất thu và xử lý tốt nợ đọng thuế, phân đấu hoàn thành dự toán tỉnh giao. Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ bán đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch; Tăng cường trách nhiệm, nâng cao hiệu quả của Tổ công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2022-2023 tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh.

### **3. Công tác giải ngân vốn đầu tư công**

Các cấp các ngành, địa phương, đơn vị chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023, đặc biệt là Kết luận số 248-TB/TU ngày 11/9/2023 của đồng chí quyền Bí thư Tỉnh ủy tại cuộc họp đẩy nhanh tiến độ triển khai tiến độ các công trình dự án và giải ngân các nguồn vốn năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 2705/UBND-KTTH ngày 28/8/2023 về việc triển khai công điện số 749/CĐ-TTg ngày 18/8/2023 của TTCP về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023.

Chỉ đạo thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án, công trình trọng điểm và giải ngân vốn đầu tư công, 03 chương trình mục tiêu quốc gia; phân đấu hoàn thành kế hoạch giải ngân, bảo đảm đạt ít nhất 95% so với kế hoạch. Tiếp tục thực hiện quyết liệt đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Huy động, lồng ghép tối đa nguồn vốn để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Chủ động, linh hoạt giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý “các điểm nghẽn” trong thủ tục đầu tư, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm, như: Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), Đập dâng nước tạo cảnh quan trung tâm thành phố Hà Giang, Khu liên hợp thể thao và văn hóa tỉnh,... Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện các dự án vốn đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo nguồn lực được sử dụng đúng mục tiêu, đối tượng, không dàn trải và lãng phí.

Tổ chức rà soát, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư công đối với các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn để đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tập trung đẩy nhanh tiến độ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên...; có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân có tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

### **4. Triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia**

Tập trung hoàn thiện nội dung các Nghị quyết trình kỳ họp thứ 13 HĐND tỉnh khoá XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026 để triển khai thực hiện 03 Chương trình<sup>57</sup>. Chỉ đạo, đôn đốc các huyện, thành phố, các đơn vị đẩy nhanh tiến độ giải ngân 03 chương trình, bao gồm cả nguồn vốn năm 2022 kéo dài. Cụ thể:

(i) Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Thực hiện theo dõi và cập nhật tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hàng tuần; chủ đầu tư khẩn trương phối hợp với nhà thầu lập hồ sơ quyết toán, đề nghị cơ quan chuyên môn thẩm tra, phê duyệt quyết toán các công trình, dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; phối hợp với đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thi công và tổ chức nghiệm thu khối lượng hoàn thành các dự án sắp hoàn thành; đối với các dự án chưa thi công, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, đảm bảo khởi công trong quý IV năm 2023, đồng thời với thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, kịp thời bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình.

(ii) Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Chỉ đạo các huyện thành lập các tổ hướng dẫn trực tiếp, đề cấp xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân nguồn vốn được giao đảm bảo hiệu quả, đúng mục tiêu, đối tượng, đúng hướng dẫn Chương trình và quy định pháp luật liên quan; nâng cao vai trò thẩm định, kiểm tra, giám sát triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo các dự án có hiệu quả và bền vững; tăng cường tuyên truyền và công khai các dự án, chế độ, chính sách hỗ trợ của chương trình đối với người dân trên địa bàn xã, thôn, phát huy vai trò Ban giám sát của cộng đồng xã. Kịp thời thực hiện phân bổ kế hoạch vốn năm 2024 để triển khai thực hiện 03 chương trình theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo tập trung, hiệu quả.

## **5. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội**

Chỉ đạo quyết liệt, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang. Khẩn trương thực hiện tốt công tác thu hồi, kiểm đếm, định giá đất; phê duyệt phương án bồi thường để bàn giao mặt bằng thi công; tập trung nhân lực, vật lực thi công gói thầu số 03 (Km0+00 đến Km12+500) và gói thầu số 04-XL (Km12+500 - Km19+120). Hoàn thiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu, khởi công đối với Gói thầu số 05-XL (Km19+120-Km27+480).

<sup>57</sup> (i) Nghị quyết quy định cơ chế phân cấp quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn, hằng năm thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; (ii) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021-2025 (thay thế Nghị quyết số 11/2022/ND-HĐND ngày 23/9/2022); (iii) Nghị quyết phê duyệt thôn thuộc đối tượng đầu tư thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 9, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; (iv) Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 13/2022/ND-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh về quy định định mức chi hỗ trợ một số nội dung giảm nghèo về thông tin của Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025; (v) Nghị quyết điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2022 để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh; (vi) Nghị quyết phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2023 thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 9, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 của HĐND tỉnh; (vii) Nghị quyết điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 9, Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tập trung nhân lực, trang thiết bị, máy móc, thực hiện giải pháp tăng ca, tăng kíp, tăng tổ đội để đẩy nhanh tiến độ thi công Dự án đầu tư xây dựng mới trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC); Dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 08 bệnh viện đa khoa huyện, đa khoa khu vực trên địa bàn tỉnh và Dự án đầu tư xây dựng mới 10 trạm y tế tuyến xã.

Triển khai thực hiện các chương trình cho vay tín dụng chính sách; giám sát việc cho vay và hỗ trợ lãi suất đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả; Tập trung tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh thông qua các chính sách về giãn hoãn thời gian trả nợ, giảm lãi vay.

## **6. Công tác lập và quản lý Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch xây dựng, xây dựng kết cấu hạ tầng**

Tổ chức công bố Quy hoạch tỉnh sau khi được phê duyệt đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả. Tổ chức xây dựng, xin ý kiến các Bộ, ngành Trung ương và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh. Thực hiện tốt công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và trật tự xây dựng, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các đồ án quy hoạch xây dựng đảm bảo yêu cầu, kế hoạch đề ra. Tiếp tục đôn đốc UBND các huyện, thành phố triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

## **7. Hoạt động chuyển đổi số**

Tập trung các giải pháp hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã đưa các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử. Triển khai Chương trình đào tạo bồi dưỡng về chuyển đổi số cho công chức, viên chức cấp xã, huyện; ban hành quy định, định mức thuê chuyên gia về chuyển đổi số để hỗ trợ tỉnh triển khai các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), Bigdata và an toàn thông tin. Đôn đốc đầu mối của Tập đoàn FPT, Viettel, VNPT triển khai có hiệu quả các nội dung trong biên bản thỏa thuận về chuyển đổi số đã ký kết. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, trên địa bàn tỉnh năm 2023.

## **8. Các nhiệm vụ về phát triển kinh tế**

### **8.1. Hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch**

Hoàn thiện, phê duyệt Kế hoạch tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Hà Giang đến năm 2030. Đồng hành với các doanh nghiệp sản xuất, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản. Đẩy nhanh tiến độ thi công, thực hiện các dự án thủy điện theo đúng tiến độ để các công trình sớm đi vào

vận hành. Khuyến khích các cơ sở sản xuất chế biến nông lâm sản cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Tập trung phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế cửa khẩu gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; xây dựng và mở rộng các loại hình thương mại hiện đại, phát triển thương mại điện tử.

Triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP của tỉnh niên vụ 2023-2024; Phối hợp hỗ trợ các HTX, hộ sản xuất xúc tiến tiêu thụ sản phẩm Cam niên vụ 2023 - 2024. Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa nhà cung cấp khu vực Đông Bắc với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức xúc tiến thương mại và Hội thảo chè Shan tuyết Hà Giang. Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi tại huyện Vị Xuyên và Yên Minh.

Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của công tác thông tin, xúc tiến, quảng bá du lịch<sup>58</sup>; Xây dựng clip quảng bá xúc tiến du lịch; Triển khai các hoạt động truyền thông quảng bá thương hiệu “Hà Giang Điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á”.. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 10/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về ban hành một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ trong phát triển du lịch. Tiếp tục triển khai các hoạt động trong khuôn khổ chương trình hợp tác 6 tỉnh và 8 tỉnh TBMR và thành phố Hồ Chí Minh. Tham gia Tuần Văn hóa - Du lịch Tây Bắc tại tỉnh Luông Pha Băng - Lào. Tổ chức các sự kiện gắn với Hội nghị văn hoá và Lễ hội hoa “Tam giác mạch” lần thứ IX tỉnh Hà Giang năm 2023 theo Kế hoạch số 253/KH - UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh lồng ghép với chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại năm 2023. Tổ chức hội thảo đánh giá các sản phẩm du lịch các làng văn hoá du lịch cộng đồng, nông nghiệp tại các huyện Bắc Quang, Quang Bình.

## **8.2. Sản xuất nông lâm nghiệp**

Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương thu hoạch nhanh, gọn diện tích cây trồng vụ Mùa. Chuẩn bị các điều kiện như giống, phân bón và hướng dẫn nhân dân triển khai sản xuất cây trồng vụ Đông năm 2023-2024 theo hướng đẩy mạnh thâm canh để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Tập trung đưa các loại giống cây trồng có năng suất chất lượng cao vào sản xuất; đẩy mạnh sản xuất cây trồng theo tiêu chuẩn GAP (VietGAP, hữu cơ...). Quyết liệt thực hiện Kế hoạch số “15” về thực hiện Đề án cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân giảm nghèo bền vững năm 2023 và Kế hoạch số “27” về triển khai Đề án phát triển bền vững cây cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2023. Hoàn thiện đề án chuyển đổi đất nông nghiệp trồng ngô kém hiệu quả sang cây, con khác có giá trị kinh tế cao hơn giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức Hội thi cán bộ Khuyến nông giỏi - Dân vận khéo lần thứ II gắn với chương trình Cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ.

Triển khai công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm. Đôn đốc các huyện, thành phố triển khai công tác tái đàn gia súc. Hướng dẫn các địa phương thu hoạch, dự trữ thức ăn, phòng chống đói rét cho đàn gia súc vụ Đông năm 2023 - 2024. Đẩy mạnh phát triển, công nhận các sản phẩm OCOP; tăng cường kết nối thị trường, đổi mới hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm OCOP đến người tiêu dùng. Đẩy mạnh đầu tư, liên kết ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công

<sup>58</sup> như: Tuần lễ Du lịch Di sản văn hóa tại thành phố Hà Nội; Tuần Văn hóa Du lịch Âm thực tại Hà Nội...

nghe cao. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia làm chủ thể liên kết sản xuất với người dân theo chuỗi giá trị.

Tập trung đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện trồng rừng mới tập trung, chăm sóc rừng theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác khoanh nuôi tái sinh rừng, bảo vệ rừng để đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ngăn chặn tình trạng vi phạm Luật lâm nghiệp, biện pháp ngăn ngừa cháy rừng. Rà soát, xây dựng bản đồ ba loại rừng theo kết quả Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **8.3. Chi ngân sách và hoạt động tín dụng**

Rà soát, sắp xếp, cắt giảm, giãn hoãn các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán, lồng ghép các chính sách, chương trình, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, không bố trí kinh phí cho những nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, nhiệm vụ chi ngoài dự toán để đảm bảo cân đối thu chi ngân sách tỉnh năm 2023; đảm bảo cân đối nguồn lực để chủ động cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, chi đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội.

Chủ động, kịp thời thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thụ hưởng, đảm bảo đúng quy định của Chính phủ, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật. Triển khai đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng; đảm bảo cân đối nguồn vốn tín dụng để đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh...

### **8.4. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp**

Thực hiện đồng bộ các biện pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tập trung vào các chỉ số thành phần có mức tăng thấp hoặc các chỉ số giảm. Tiếp tục triển khai phương án khảo sát và tổ chức hội nghị đánh giá năng lực điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Hà Giang 2023.

Tiếp tục tư vấn, giải quyết các đề xuất nghiên cứu, hỗ trợ khảo sát dự án của các nhà đầu tư; Vận hành nền tảng truyền thông 3D online hoạt động xúc tiến đầu tư, kết nối giao thương; Xây dựng ấn phẩm, truyền thông quảng bá về tỉnh. Tăng cường tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp, đồng hành, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tiếp tục đôn đốc các dự án trọng điểm ngoài ngân sách đẩy nhanh tiến độ thực hiện; theo dõi sát sao các dự án đầu tư chậm triển khai.

Triển khai thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật về đấu thầu Khu đô thị mới Phú Hưng và Khu trung tâm thương mại, khách sạn kết hợp nhà ở thương mại Quyết Thắng. Phê duyệt danh mục dự án đầu tư Nhà máy tái chế, xử lý chất thải rắn tại xã Kim Thạch, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Kiểm tra việc chấp hành các quy định về đầu tư kinh doanh đối với dự án Nhà máy gạch tuynel Tân Bắc, huyện Quang Bình. Đôn đốc, giải quyết dứt điểm những tồn tại, vướng mắc đối với các dự án trọng điểm đã được chấp thuận đầu tư: Khu đô thị mới Hà Phương; Chăn nuôi bò

sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại Hà Giang; Khu tổ hợp nhà hàng, khách sạn Tiến Đạt tại thành phố Hà Giang.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, triển khai xây dựng các nội dung thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; các chương trình đào tạo hỗ trợ doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp nộp hồ đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ công trực tuyến. Khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp năm 2023. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 25/11/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; kiện toàn Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể tỉnh. Triển khai hoàn thiện mô hình HTX kiểu mới thí điểm giai đoạn 1<sup>59</sup>.

### **9. Lĩnh vực khoa học và công nghệ, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường**

Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, hỗ trợ đăng ký sở hữu công nghệ, tổ chức các lớp tập huấn về Sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đổi mới công nghệ, triển khai thực hiện đề án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ đã được phê duyệt, tổ chức nghiệm thu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học trong năm.

Quản lý chặt chẽ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Hướng dẫn các 09 huyện, thành phố điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 (trừ Bắc Quang, Vị Xuyên đã phê duyệt). Triển khai lập kế hoạch định giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, giá khởi điểm bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024. Tiếp tục triển khai nhiệm vụ Tổ công tác theo Quyết định số 801/QĐ-UBND của UBND tỉnh nắm bắt tiến độ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công tác bồi thường GPMB dự án đường Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1) đoạn qua tỉnh Hà Giang. Tiếp tục thực hiện công tác đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ cấp GCN quyền sử dụng đất tại 25 xã và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 10 xã thuộc các huyện Bắc Quang, Đồng Văn, Mèo Vạc, Hoàng Su Phì, Xín Mần, Yên Minh và TP Hà Giang. Tăng cường công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tăng cường công tác dự báo, nắm chắc tình hình khí hậu, thời tiết để kịp thời cảnh báo khi có thiên tai xảy ra. Chỉ đạo các huyện rà soát các hộ dân ở vùng xung yếu cần di dời; Chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng tham gia khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo phương châm 4 tại chỗ. Kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn đối với các công trình thủy điện; an toàn đập, vùng hạ du đập, phòng chống lụt bão.

### **10. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

**101. Giáo dục - đào tạo:** Triển khai các hoạt động học tập và giảng dạy theo khung thời gian đã ban hành đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2023-2024. Tiếp tục tuyển dụng giáo viên theo chỉ tiêu biên chế được giao theo kế hoạch; Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn về

<sup>59</sup> Theo Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách hợp tác xã tham gia Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025, gồm 03 HTX: Hợp tác xã Gia Hoàng, Hợp tác xã Hải Khang, Hợp tác xã Chế biến Chè Phìn Hồ.

chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức dạy và học. Duy trì và nâng cao chất lượng các Kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh; duy trì và phát triển kết quả thi học sinh giỏi quốc gia lớp 12 THPT.

**10.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:** Tiếp tục chỉ đạo các địa phương, đơn vị y tế khẩn trương chủ động triển khai ngay các biện pháp phòng chống dịch bệnh Bạch hầu. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tổ chức truyền thông về phòng chống ngộ độc thực phẩm, nhất là các địa bàn nhiều nguy cơ, các trường học bán trú, các bếp ăn tập thể, nơi tập trung đông người. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi, đảm bảo hiệu quả và an toàn.

**10.3. Hoạt động văn hóa:** Tăng cường các hoạt động văn hóa, thể thao; Tổ chức Hội thi tuyên truyền “Xoá bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang” tại Bắc Mê. Thành lập các đoàn nghệ nhân tham gia các liên hoan, hội diễn trung ương và khu vực tổ chức<sup>60</sup>. Hướng dẫn đánh giá chất lượng xây dựng Làng văn hóa và Gia đình văn hóa năm 2023. Phối hợp tổ chức các giải thể thao mạo hiểm, thể thao cảm giác mạnh phục vụ phát triển du lịch như: giải Marathon chạy trên cung đường Hạnh Phúc; giải trình diễn xe ô tô, mô tô địa hình năm 2023.

#### **10.4. Giáo dục nghề nghiệp, lao động việc làm, an sinh xã hội**

Đôn đốc kiểm tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025.

Đẩy mạnh triển khai các hoạt động thực hiện chính sách về giáo dục nghề nghiệp, lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội; tăng cường giải pháp kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm. Thực hiện tốt các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách thường xuyên cho các đối tượng chính sách. Tập trung thực hiện các chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

#### **11. Công tác nội vụ, cải cách hành chính, thanh tra và tiếp công dân**

Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao các chỉ số cải cách hành chính PAPI, ParIndex, SIPAS, ICTIndex... Hoàn thành kiểm tra công tác CCHC, kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh; tổ chức thẩm định chỉ số CCHC của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, chuyển đổi số dịch vụ công đến năm 2025.

<sup>60</sup> Gồm: Chương trình sắc xuân trên mọi miền tổ quốc tại Làng VHDL các dân tộc Việt Nam; Ngày hội Văn hóa các dân tộc dưới 10.000 người; Tuần Đại đoàn kết - Di sản văn hóa Việt nam năm 2023 tại Làng VHDL các dân tộc Việt Nam; Liên hoan phim tại Lâm Đồng...

Tăng cường vai trò người đứng đầu, nâng cao chất lượng công vụ; sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là xử lý công việc của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục tăng cường xử lý ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Hoàn thành việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra công vụ công chức năm 2023. Triển khai tổ chức kỳ tuyển dụng công chức 2023 theo đúng quy định; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

Tập trung triển khai thực hiện các cuộc thanh tra theo kế hoạch và tiến hành các cuộc thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm liên quan đến những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng pháp luật.

## **12. Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại**

Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, kiểm soát chặt chẽ cửa khẩu, lối mở, ngăn chặn hoạt động xuất, nhập cảnh trái phép. Từng bước xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ tỉnh. Đẩy mạnh ra quân triển khai các giải pháp kiểm chế tai nạn giao thông. Nắm chắc địa bàn, hoạt động của các tụ điểm về tệ nạn xã hội, tổ chức đấu tranh, triệt phá và ngăn chặn không để xảy ra các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự. Tăng cường thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

Triển khai thực hiện Kế hoạch đối ngoại năm 2023; giải quyết đoàn ra, đoàn vào, đảm bảo thiết thực, kịp thời, hiệu quả. Duy trì và đẩy mạnh thực hiện các nội dung hợp tác đã ký kết với các địa phương phía Trung Quốc như: Đề án nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện giữa tỉnh Hà Giang với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc; Chương trình hợp tác giữa UBND tỉnh Hà Giang, Việt Nam và Chính quyền nhân dân châu Văn Sơn, Trung Quốc, giai đoạn 2021-2025...

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng báo cáo./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTr. Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh HG;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, CVNCTH UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VnptiOffice.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**



BIỂU 01

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG NĂM 2023

| STT | Tên chỉ tiêu                                                    | Đơn vị tính      | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện 9 tháng năm 2022 | Ước thực hiện tháng 9 năm 2023 | Ước thực hiện 9 tháng 2023 | Dự báo thực hiện cả năm | So sánh %                                       |                                         |                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|----------------------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|
|     |                                                                 |                  |                   |                            |                                |                            |                         | Ước thực hiện 9 tháng 2023 với cùng kỳ năm 2022 | Ước thực hiện 9 tháng 2023 với Kế hoạch | Dự báo thực hiện cả năm 2023 so với Kế hoạch |
| A   | B                                                               | C                | 1                 | 2                          | 3                              | 4                          | 5                       | 6                                               | 7                                       | 8                                            |
| I   | CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ                                             |                  |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
| 1   | Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân                             | %                | 8,0               | 7,06                       |                                | 3,0                        | 7,0                     | Giảm 4,06%                                      | Giảm 5%                                 | Giảm 1%                                      |
| 2   | Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người                        | Triệu đồng       | 38,2              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
| 3   | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội                                     | Tỷ đồng          | 14.800,0          | 9.115,5                    | -                              | 10.552,4                   | 14.435,0                | Tăng 15,76%                                     | Đạt 71,3%                               | Đạt 98%                                      |
| 4   | Thu ngân sách trên địa bàn                                      | Tỷ đồng          | 3.000,0           | 1.554,1                    | 218                            | 1.359,7                    | 2.020,5                 | Giảm 12,5%                                      | Đạt 45,3%                               | Đạt 67,4%                                    |
|     | + Thu nội địa                                                   | Tỷ đồng          | 2.880,0           | 1.472,7                    | 212                            | 1.237,9                    | 1.865,5                 | Giảm 15,9%                                      | Đạt 43%                                 | Đạt 64,8%                                    |
|     | + Thuế xuất nhập khẩu                                           | Tỷ đồng          | 90,0              | 74,4                       | 3203                           | 115                        | 125                     | Tăng 54,7%                                      | Tăng 27,8%                              | Đạt 138,9%                                   |
|     | + Thu tài trợ, viện trợ, đóng góp                               | Tỷ đồng          | 30,0              | 7,0                        | 3                              | 6,7                        | 30                      | Giảm 4,5%                                       | Đạt 22,3%                               | Đạt 100%                                     |
| 5   | Thu hút khách du lịch                                           | Triệu lượt khách | 2,5               | 1,598                      | 0                              | 2                          | 3                       | Tăng 35%                                        | Đạt 86,3%                               | Đạt 120%                                     |
| 6   | Giá trị sản phẩm trồng trọt thu hoạch bình quân/ha đất canh tác | %                | 62,0              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 62                      | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |
| 7   | Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp                      | %                | 32,0              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 32                      | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |
| 8   | Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm             | %                | 10,0              | 19,58                      | - 10,68                        | -16,26                     | 0%                      | Giảm 35,84%                                     | Giảm 26,26%                             | không đạt (giảm 10% so với KH năm 2023)      |
| *   | Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành)               | Tỷ đồng          | -                 | 6.709,08                   | 1.118,95                       | 6.566,21                   | -                       | Giảm 2,13%                                      | -                                       | -                                            |
| 9   | Tổng giá trị hàng hóa xuất - nhập khẩu qua cửa khẩu             | Triệu USD        | 230,0             | 48,2                       | 28,1                           | 226,4                      | 100,00                  | Tăng 3,7 lần                                    | Đạt 98,4%                               | Đạt 100%                                     |
| 10  | Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tăng                          | %                | 10,0              | 15                         | 14,63                          | 16,06                      | 17,60                   | Tăng 1,06 %                                     | Tăng 6,06 %                             | Tăng 7,6%                                    |
| *   | Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ                               | Tỷ đồng          | -                 | 7.518,9                    | 1.463,83                       | 12.034,69                  | -                       | Tăng 60,1%                                      | -                                       | -                                            |
| 11  | Tăng trưởng tín dụng                                            | %                | 8,0               | 7,3                        | 5,0                            | 5,0                        | 8,0                     | Giảm 2,3%                                       | Giảm 3%                                 | Đạt 100%                                     |
| *   | Tổng dư nợ tín dụng                                             | Tỷ đồng          | 30.062            | 28.100,0                   | 29.229,0                       | 29.229,0                   | 30.062,0                | Tăng 4%                                         | Đạt 97,2%                               | Đạt 100%                                     |
| 12  | Tỉ lệ đô thị hóa                                                | %                | 23,40             | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 23                      | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |
| II  | CHỈ TIÊU XÃ HỘI                                                 |                  |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
| 13  | Số tiêu chí xã nông thôn mới tăng trong năm                     | Tiêu chí         | 136               | 3                          | 34                             | 34                         | 136                     | Tăng 11,33 %                                    | Đạt 25%                                 | Đạt 100%                                     |

| STT | Tên chỉ tiêu                                                                  | Đơn vị tính         | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện 9 tháng năm 2022 | Ước thực hiện tháng 9 năm 2023 | Ước thực hiện 9 tháng 2023 | Dự báo thực hiện cả năm | So sánh %                                       |                                         |                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|----------------------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|
|     |                                                                               |                     |                   |                            |                                |                            |                         | Ước thực hiện 9 tháng 2023 với cùng kỳ năm 2022 | Ước thực hiện 9 tháng 2023 với Kế hoạch | Dự báo thực hiện cả năm 2023 so với Kế hoạch |
| 14  | Số tiêu chí thôn nông thôn mới tăng trong năm                                 | Tiêu chí            | 556               | -                          | 137                            | 137                        | 556                     | -                                               | Đạt 24,64%                              | Đạt 100%                                     |
| 15  | Duy trì và nâng cao chất lượng các xã đã đạt chuẩn NTM                        | Xã                  | 48                | 47                         | 48                             | 48                         | 48                      | Tăng 2%                                         | Đạt 100%                                | Đạt 100%                                     |
| 16  | Tỉ lệ thôn biên giới có điện đạt tiêu chí NTM                                 | %                   | 92,0              | 75                         | 85                             | 85                         | 85                      | Tăng 10%                                        | Giảm 7%                                 | Giảm 7%                                      |
| 17  | Tỉ lệ thôn biên giới có đường giao thông đạt tiêu chí NTM                     | %                   | 66,0              | 30                         | 52                             | 52                         | 52                      | Tăng 22%                                        | Giảm 14%                                | Giảm 14%                                     |
| 18  | Số hộ nghèo giảm trong năm                                                    | Hộ                  | 7.660             | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 19  | Tỉ lệ lao động qua đào tạo                                                    | %                   | 57,8              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 20  | Số người tham gia bảo hiểm xã hội                                             | Người               | 59.236            | 55.921                     | 54.387                         | 54.387                     | 60.182                  | Giảm 3%                                         | Đạt 92%                                 | Đạt 102%                                     |
|     | - Bắt buộc                                                                    | Người               | 49.494            | 44.453                     | 43.981                         | 43.981                     | 45.866                  | Giảm 1,06%                                      | Đạt 88,86%                              | Đạt 92,67%                                   |
|     | - Tự nguyện                                                                   | Người               | 24.000            | 11.468                     | 10.406                         | 10.406                     | 14.316                  | Giảm 9,26%                                      | Đạt 43,36%                              | Đạt 59,65%                                   |
|     | - Thất nghiệp                                                                 | Người               | 43.824            | 34.834                     | 34.564                         | 34.564                     | 40.199                  | Giảm 0,78%                                      | Đạt 78,87%                              | Đạt 91,72%                                   |
| 21  | Tỉ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia                                           | %                   | 55,9              | 46,67                      | 51,30                          | 51,30                      | 55,9                    | Tăng 5,63%                                      | Giảm 4,6%                               | Đạt 100%                                     |
| 22  | Tỉ lệ duy trì sĩ số học sinh hàng ngày                                        | %                   | 98,0              | 98,00                      | 98                             | 98                         | 98                      | Tương đương với cùng kỳ                         | Đạt 100%                                | Đạt 100%                                     |
| 23  | Bình quân bác sĩ/1 vạn dân                                                    | Bác sĩ/vạn dân      | 10,0              | 9,8                        | 10,5                           | 10,5                       | 10,5                    | Tăng 7,1%                                       | Tăng 5%                                 | Đạt 105%                                     |
| 24  | Bình quân giường bệnh/1 vạn dân                                               | Giường bệnh/vạn dân | 43,0              | Đánh giá cuối năm          |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 25  | Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên                                                    | %                   | 1,34              | Đánh giá cuối năm          |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 26  | Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (theo cân nặng) giảm còn              | %                   | 17,0              | Đánh giá cuối năm          |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 27  | Tỉ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin                           | %                   | 95,0              | 69,90                      | 6,3                            | 66,9                       | 90,25                   | Giảm 3%                                         | Giảm 28,1%                              | Giảm 4,75%                                   |
| 28  | Số người tham gia bảo hiểm y tế                                               | Người               | 869.065           | 850.286                    | 856.234                        | 856.234                    | 856.234                 | Tương đương với cùng kỳ                         | Đạt 98,5%                               | Đạt 98,5%                                    |
| 29  | Tỉ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận làng văn hóa                            | %                   | 65,5              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 30  | Tỉ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa                             | %                   | 74,2              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | -                       | -                                               | -                                       | -                                            |
| 31  | Tỉ lệ xã, phường, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự | %                   | 95,0              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 95,0                    | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |

| STT | Tên chỉ tiêu                                         | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện 9 tháng năm 2022 | Ước thực hiện tháng 9 năm 2023 | Ước thực hiện 9 tháng 2023 | Dự báo thực hiện cả năm | So sánh %                                       |                                         |                                              |
|-----|------------------------------------------------------|-------------|-------------------|----------------------------|--------------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|
|     |                                                      |             |                   |                            |                                |                            |                         | Ước thực hiện 9 tháng 2023 với cùng kỳ năm 2022 | Ước thực hiện 9 tháng 2023 với Kế hoạch | Dự báo thực hiện cả năm 2023 so với Kế hoạch |
| III | <b>CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG</b>                           |             |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
| 32  | Tỉ lệ che phủ rừng                                   | %           | 58,9              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 59                      | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |
|     | * Trồng rừng tập trung                               | Ha          |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
|     | - Trồng rừng sản xuất                                | Ha          |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
|     | - Trồng rừng sau khai thác                           | Ha          |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
|     | * Trồng cây phân tán                                 | Nghìn cây   |                   |                            |                                |                            |                         |                                                 |                                         |                                              |
| 33  | Tỉ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch           | %           | 96,7              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 96,7                    | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |
| 34  | Tỉ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh | %           | 93,0              | Chỉ tiêu đánh giá cuối năm |                                |                            | 93,0                    | -                                               | -                                       | Đạt 100%                                     |
| 35  | Tỉ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị         | %           | 95,0              | 95,00                      | 95                             | 95                         | 95                      | Tương đương với cùng kỳ                         | Đạt 100%                                | Đạt 100%                                     |
| 36  | Tỉ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị           | %           | 82,0              | 77,40                      | 82                             | 82                         | 82                      | Tăng 5,9%                                       | Đạt 100%                                | Đạt 100%                                     |

